

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

---

Đầu tư tốc độ  
Hiệu quả thực chất  
Liên kết toàn diện  
Phát triển bền vững



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

---

Đầu tư tốc độ  
Hiệu quả thực chất  
Liên kết toàn diện  
Phát triển bền vững



# MỤC LỤC

---

I. Điểm nhấn năm 2015	07
II. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	17
III. Giới thiệu Doanh nghiệp	21
IV. Tình hình hoạt động năm 2015	49
V. Quan hệ với cổ đông - nhà đầu tư	71
VI. Trách nhiệm xã hội	75
VII. Báo cáo kiểm toán hợp nhất Tập đoàn năm 2015	81
VIII. Các thương hiệu dệt may tiêu biểu	83

# I. ĐIỂM NHẤN NĂM 2015

1. Các chỉ số đạt được trong năm 2015
2. Đổi mới mô hình quản trị
3. Điểm nhấn công tác đầu tư
4. Các giải thưởng, danh hiệu

# 1. CÁC CHỈ SỐ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2015

• Giá trị sản xuất công nghiệp:

**36.064** tỷ đồng  
tăng 12% so với năm 2014

• Doanh thu (không VAT):

**39.503** tỷ đồng  
tăng 10% so với năm 2014

• Kim ngạch Xuất khẩu:

**2.388** triệu USD  
tăng 11% so với năm 2014

• Kim ngạch Nhập khẩu:

**1.155** triệu USD  
giảm 3% so với năm 2014

## NHÀ MÁY SỢI:



- 12 đơn vị lớn
- Trên 85 vạn cọc sợi
- Sản lượng 133 nghìn tấn/năm

## NHÀ MÁY DỆT NHUỘM:



- 5 đơn vị lớn sản xuất vải dệt kim sản lượng 11.300 tấn/năm
- 5 đơn vị lớn sản xuất vải dệt thoi sản lượng 124 triệu mét/năm

## NHÀ MÁY MAY:



- 17 Tổng Công ty và Công ty
- 1.405 chuyên may
- Công suất khoảng 240 triệu sản phẩm/năm

## 2. ĐỔI MỚI MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc tái cơ cấu, cổ phần hóa (CPH) doanh nghiệp Nhà nước với việc chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, có bước phát triển tốt, đáp ứng các chuẩn mực của thị trường.**

Hoàn thành CPH năm 2015 là một bước ngoặt quan trọng, tạo đà tăng trưởng trong chiến lược phát triển Vinatex ngày một lớn mạnh, bền vững và mang tầm vóc quốc tế. Sở hữu vốn điều lệ 5.000 tỷ đồng sau khi bán 46,1% phần vốn cho cổ đông bên ngoài, bao gồm 02 nhà đầu tư chiến lược là Tập đoàn Vingroup và Tập đoàn VID Group, Vinatex là Tập đoàn kinh tế Nhà nước đầu tiên cổ phần hóa thành công.

Trong những năm qua, Tập đoàn đã thực hiện tái cấu trúc các công ty trực thuộc, tạo sức mạnh, quy mô lớn hơn, tạo tiền đề cho việc CPH Công ty mẹ Tập đoàn; cơ bản hoàn thành việc rút vốn ra khỏi các lĩnh vực kinh doanh ngoài dệt may; đồng thời củng cố tạo liên kết hữu cơ trong các doanh nghiệp dệt may, kết nối chung về thị trường đầu vào và đầu ra, tận dụng ưu thế của tổ hợp doanh nghiệp lớn; tăng tỷ lệ đầu tư tại các doanh nghiệp trọng yếu, tạo năng lực cạnh tranh cốt lõi cho Tập đoàn.

Trên cơ sở đó, Tập đoàn theo đuổi chiến lược chuyển đổi mô hình sản xuất từ phương thức sản xuất Cắt & May gia công (CMT) lên phương thức sản xuất trọn gói (FOB) và tiến lên phương thức sản xuất trọn gói kèm thiết kế (ODM) nhằm đạt được biên lợi nhuận tốt hơn; phấn đấu đưa tỷ lệ FOB lên 60% và ODM lên 20% vào năm 2020.



## 3. ĐIỂM NHẤN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Nhằm đón đầu các Hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Vinatex đã triển khai các chương trình đầu tư theo chiến lược nâng cao năng lực chuỗi cung ứng Sợi - Dệt - Nhuộm - Hoàn tất - May. Trong giai đoạn 2013-2015, Tập đoàn đã chủ động triển khai các dự án do chính Công ty mẹ làm chủ đầu tư; tập trung vào hướng mở rộng năng lực sản xuất, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng cho sản phẩm dệt may.

Năm 2015 là năm đánh dấu bước phát triển mới của Tập đoàn về quy mô, tốc độ đầu tư với việc khởi công và hoàn thành các dự án bao gồm

**4.770**  
tấn/năm

Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng giai đoạn 2: quy mô 2,16 vạn cọc sợi, sản lượng 4.770 tấn/năm (quy về chỉ số sợi Ne30).

**3,6**  
triệu sp/năm

Dự án Nhà máy may Kiên Giang: quy mô 20 chuyên may, sản lượng 3,6 triệu sản phẩm quần nữ/năm.

**10**  
triệu mét/năm

Dự án Nhà máy sản xuất vải Yarndyed Long An: quy mô 10 triệu mét/năm.

Ngoài ra, trong năm 2015, Tập đoàn cũng đã khởi công và đang triển khai các dự án sau:

**3,6-6,5**  
triệu sp/năm

Dự án May: Nhà máy may Cần Thơ, Nhà máy may Bạc Liêu, Nhà máy may Quảng Bình, Nhà máy may Tuyên Quang với quy mô mỗi Nhà máy 20-29 chuyên may, sản lượng 3,6-6,5 triệu sản phẩm/năm.

**6.000**  
tấn/năm

Dự án Sợi: Nhà máy sợi Phú Cường quy mô 3 vạn cọc sợi, sản lượng 6.000 tấn/năm (Ne30).

**4.770**  
tấn/năm

Nhà máy sợi Nam Định quy mô 2,1 vạn cọc sợi, sản lượng 4.770 tấn/năm (Ne30).

## 4. CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU



### Đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động trong năm 2015:

Ghi nhận thành tích và những đóng góp tích cực đối với sự phát triển của ngành dệt may cũng như trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý, đặc biệt là danh hiệu Anh hùng Lao động nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập. Đây là niềm vinh dự, tự hào của các thế hệ Lãnh đạo, người lao động của Tập đoàn qua các thời kỳ.

#### TẬP ĐOÀN:

- Danh hiệu Anh hùng Lao động năm 2015 (Quyết định 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015).
- Huân chương Sao vàng năm 2010 (Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010).
- Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 (Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005).
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 (Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000).
- 16 năm liên tục Cờ thi đua của Chính phủ từ 1999 - 2013.
- 05 lần được nhận Cờ thi đua của Chính phủ trong Khối thi đua các Tập đoàn và Tổng Công ty Nhà nước (01 giải nhất, 02 giải nhì và 02 giải ba).



#### ĐƠN VỊ CHI PHỐI, PHỤ THUỘC:

- 4 đơn vị được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới: Tổng Công ty May 10-CTCP, Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến, Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP và Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hà Nội.
- 4 đơn vị được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang: Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP, Tổng Công ty cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty May 10 - CTCP, Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân.
- 1 đơn vị được trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh: Tổng Công ty May 10 - CTCP.





## II. THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG,

Thay mặt Hội đồng Quản trị (HDQT) và Ban Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex), tôi xin gửi tới Quý cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Năm 2015 đánh dấu mốc lịch sử quan trọng trên chặng đường xây dựng, hình thành và phát triển của Vinatex khi trở thành Tập đoàn kinh tế Nhà nước đầu tiên tiến hành cổ phần hóa thành công. Trong quá trình 20 năm hình thành và phát triển (1995-2015), Vinatex đã hoàn thành tốt vai trò là hạt nhân, tiên phong mở đường xây dựng thị trường mới, hội nhập kinh tế quốc tế, định hướng phát triển cho toàn Ngành, góp phần đưa dệt may Việt Nam thành Ngành kinh tế xuất khẩu mũi nhọn của quốc gia. Với việc lấy trọng tâm là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn, xây dựng giá trị thương hiệu dựa trên sự hài lòng của khách hàng, Vinatex trở thành một trong những nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu Việt Nam và Châu Á, có khả năng cung cấp các dịch vụ may mặc trọn gói, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

Với tổng số lao động trực tiếp trên 85 ngàn lao động, trong năm 2015, giá trị sản xuất công nghiệp của toàn Tập đoàn trên 36.000 tỷ đồng, doanh thu (không VAT) trên 39.500 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tỷ đồng, thu nhập lao động bình quân 6,3 triệu đồng/tháng. Kim ngạch xuất khẩu của Vinatex đạt 2,4 tỷ USD sang các thị trường chính là Mỹ, EU, Nhật Bản,... Tỷ lệ nội địa hóa trong Tập đoàn đạt mức 52%, tỷ lệ cơ cấu phương thức kinh doanh đã thay đổi theo chiều hướng tích cực với 40% CM, 52% FOB và tỷ lệ hàng sản xuất ODM đã đạt khoảng 8%. Mặc dù thị trường trong nước còn chịu áp lực cạnh tranh về giá cả, chất lượng và mẫu mã sản phẩm nhập khẩu cũng như nạn hàng lậu, hàng nhái còn nhiều, Tập đoàn đã nỗ lực phát triển doanh thu nội địa quản áo ở mức trên 10 nghìn tỷ đồng.

Với những thành tựu nổi bật, Tập đoàn đã vinh dự được nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000, Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 và Huân Chương sao Vàng năm 2010; 4 đơn vị thành viên và 8 cá nhân được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; 4 tập thể đạt danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, và hàng trăm huân, huy chương các loại cho tập thể và cá nhân. Đặc biệt, đúng vào dịp tròn 20 tuổi, Tập đoàn được Chủ tịch nước trao tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

Năm 2015, để chuẩn bị cho hàng loạt các Hiệp định Thương mại Tự do như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam - EU, FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu, Hội đồng Quản trị Tập đoàn đã đưa ra nhiều quyết định quan trọng như tái cơ cấu các khoản đầu tư, thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, tập trung nguồn lực vào các đơn vị có tiềm năng, nâng cao khả năng cạnh tranh của các đơn vị thành viên, đồng thời thành lập các chi nhánh trực thuộc Tập đoàn trực tiếp sản xuất kinh doanh, với mục tiêu chiến lược: Khẳng định Vinatex là tổ hợp doanh nghiệp có khả năng cung cấp giải pháp trọn gói từ thiết kế đến tất cả các khâu của quá trình sản xuất trong ngành Dệt May, tận dụng tối đa cơ hội từ các Hiệp định thương mại.

Để có thể tận dụng cơ hội từ các Hiệp định, nhiệm vụ then chốt đối với Tập đoàn là tiếp tục tập trung cải thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bằng các giải pháp cụ thể:

- Tái cơ cấu doanh nghiệp căn bản và toàn diện; tăng cường liên kết hữu cơ - kết nối chung về thị trường đầu vào và đầu ra các doanh nghiệp dệt may; tận dụng ưu thế của tổ hợp doanh nghiệp lớn; tạo năng lực cạnh tranh cốt lõi cho Tập đoàn.
- Đẩy mạnh đầu tư phát triển theo chiều sâu, chú trọng đầu tư các dự án sợi, dệt, nhuộm hoàn tất và may; nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, hòa nhập sâu vào chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu; tăng uy tín thương hiệu Tập đoàn ở trong và ngoài nước.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư cho khoa học kỹ thuật; hiện đại hóa công nghệ sản xuất; cải thiện năng suất lao động; thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh theo hướng tạo giá trị gia tăng cao cho sản phẩm dệt may.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên và người lao động ngành dệt may có tri thức, có kỹ năng, có văn hóa cao. Chú trọng và phát huy truyền thống chăm lo đời sống người lao động; có trách nhiệm cao với vấn đề an sinh - xã hội quốc gia.

Dự báo năm 2016 nền kinh tế - chính trị - xã hội thế giới vẫn tiềm ẩn những diễn biến phức tạp, khó lường. Trong bối cảnh đó, để phát huy những thành quả đã đạt được, trên đờ

tăng trưởng và sẵn sàng đẩy mạnh hội nhập qua các Hiệp định thương mại, tôi kêu gọi tất cả cán bộ công nhân viên và người lao động trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam hãy tiếp tục phát huy bản lĩnh, trí tuệ, tâm huyết lao động sáng tạo để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đóng góp cho sự phát triển ngày một lớn mạnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Thay mặt cho HDQT Tập đoàn, một lần nữa, tôi xin gửi lời tri ân chân thành đến Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư vì đã ủng hộ, đồng hành cùng Tập đoàn thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng với những chiến lược, sách lược đúng đắn, chúng ta sẽ gặt hái thêm nhiều thành công mới trong năm 2016 và các giai đoạn tiếp theo, đưa Vinatex trở thành doanh nghiệp dệt may hàng đầu trong khu vực, gia tăng lợi ích lâu dài cho Quý cổ đông và người lao động, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trần Quang Nghị

# 3

## III. GIỚI THIỆU DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu - Biểu tượng
3. Quá trình hình thành và phát triển
4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cơ quan Điều hành
5. Thông tin về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính

# 1. THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt:

**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Tên tiếng Anh:

**VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP**

Tên giao dịch:

**VINATEX**

Vốn điều lệ:

**5.000.000.000.000** đồng  
(năm nghìn tỷ đồng)

Địa chỉ:

**41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam**

Điện thoại:

**(+84) 04. 3 825 7700**

Fax:

**(+84) 04. 3 826 2269**

Website:

**www.vinatex.com.vn**



## 2. TẦM NHÌN - SỨ MỆNH, VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, KHẨU HIỆU - BIỂU TƯỢNG

### Tầm nhìn - Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu của khu vực và thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.
- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.

### Văn hóa doanh nghiệp

- Hiểu công việc mình làm.
- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.
- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.
- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.



### Khẩu hiệu

**“Gấm vóc non sông, Hào khí Lạc Hồng”**

### Biểu tượng

- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.
- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.



# 3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình hình thành và phát triển của Vinatex gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển Ngành dệt may Việt Nam. Vinatex luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiền thân là Tổng Công ty Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

Trải qua các giai đoạn phát triển, Tập đoàn Dệt May Việt Nam luôn là doanh nghiệp nòng cốt của ngành dệt may Việt Nam với các mục tiêu hoạt động bao gồm: (i) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Vinatex

và vốn Vinatex đầu tư tại các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do Nhà nước giao; (ii) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn; Phát triển thành tập đoàn kinh tế có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; đảm bảo Vinatex có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm dệt may thời trang; hình thành chuỗi cung ứng sợi - dệt - nhuộm hoàn tất - may; nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm dệt may, hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của Vinatex, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

T4/ 1995

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

T6/ 2000

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Độc lập hạng Ba năm 2000 theo Quyết định số 222/KT-CTN ngày 08/6/2000.

T10/ 2005

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.

T12/ 2005

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng Công ty Dệt May Việt Nam và các đơn vị thành viên tại "Đề án thí điểm thành lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con" đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314/2005/QĐ-TTg ngày 02/12/2005, cùng ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được thành lập theo Quyết định số 316/2005/QĐ-TTg.

T5/ 2010

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.

T6/ 2010

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 25/06/2010 về việc chuyển Công ty Mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu.

T2/ 2013

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 8/2/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dệt May Việt Nam giai đoạn 2013-2015

T10/ 2013

Chính phủ ban hành Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 9/10/2013 về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

T5/ 2014

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 05 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

T9/ 2014

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014

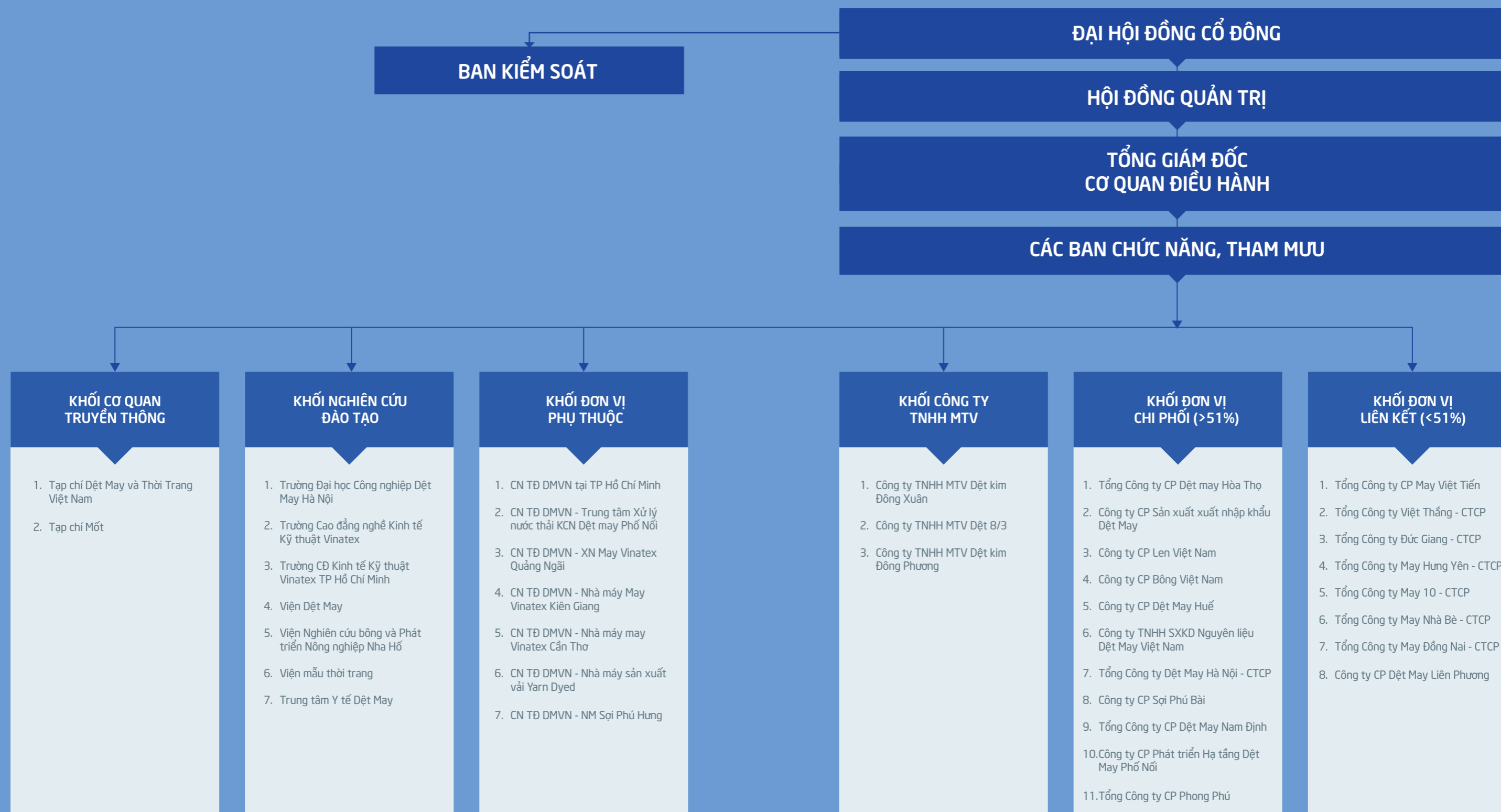
T1/ 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

T12/ 2015

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.

# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## 4. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

### 4.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (HĐQT) được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) của Tập đoàn, là cơ quan quản lý Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ). HĐQT của Tập đoàn hiện gồm 07 thành viên.

HĐQT có các quyền hạn và trách nhiệm cơ bản sau:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Quyết định việc tăng giảm vốn góp vào doanh nghiệp khác
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Vinatex
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, đối với Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc đề nghị của Tổng Giám đốc, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp Luật, Điều lệ Tập đoàn, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Trần Quang Nghị**

Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị vào tháng 01/2015.

Ông Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngành dệt may, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phong Phú - một đơn vị hàng

đầu của ngành dệt may Việt Nam. Ông Trần Quang Nghị là người quản lý đầy nhiệt huyết và quyết liệt trong quản trị và điều hành, là người đưa ra định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.

Ông Trần Quang Nghị đã được nhận nhiều bằng khen, huân chương của Đảng và Nhà nước trao tặng.



**Ông Lê Tiến Trường**

TV HĐQT - TGD



**Ông Đặng Vũ Hùng**

TV HĐQT - PTGD



**Ông Phạm Phú Cường**

TV HĐQT - PTGD



**Ông Lê Khắc Hiệp**

TV HĐQT



**Ông Don Di Lam**

TV HĐQT độc lập



**Ông Lê Đình Ngọc**

TV HĐQT độc lập

## 4.2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) được bầu bởi ĐHĐCĐ của Tập đoàn và hiện có 05 thành viên, mỗi thành viên được bầu với nhiệm kỳ 5 năm. BKS có những trách nhiệm chính sau:

- Giám sát HĐQT, TGD và cán bộ quản lý cấp cao trong việc quản lý và điều hành Vinatex; Giám sát việc thực hiện các ý kiến, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý của Vinatex, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Vinatex và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Vinatex, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Vinatex bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Điều lệ Tập đoàn
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của BKS được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ Tập đoàn, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ



**Bà Nguyễn Thị Minh Hiền**

Trưởng Ban Kiểm soát



**Bà Nguyễn Thị Kim Dung**

Thành viên Ban Kiểm soát



**Ông Phan Thanh Sơn**

Thành viên Ban Kiểm soát



**Bà Lê Thị Ánh Ngọc**

Thành viên Ban Kiểm soát



**Ông Đỗ Chí Hiếu**

Thành viên Ban Kiểm soát

## 4.3. CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH

Cơ quan Điều hành bao gồm 01 Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Điều hành và Kế toán trưởng. Cơ quan Điều hành thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt.

**Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:**

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Vinatex ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, trừ hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp
- Tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Vinatex theo những thông lệ quản lý tốt nhất
- Đề nghị về số lượng và nhân sự các vị trí quản lý cấp cao mà Vinatex cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết và tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Vinatex, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác được quy định bởi Pháp Luật, Điều lệ Tập đoàn, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ



**Ông Lê Tiến Trường**

Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ tháng 01/2015. Ông Lê Tiến Trường có gần 20 năm làm việc trong ngành dệt may Việt Nam và có gần 10 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, Thành viên Hội đồng Thành viên - Tổng Giám đốc trước khi Tập đoàn được cổ phần hóa.

Ông Lê Tiến Trường là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.

## CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH



**Ông Đặng Vũ Hùng**

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc



**Ông Phạm Phú Cường**

TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc



**Ông Lê Trung Hải**

Phó Tổng Giám đốc



**Ông Phạm Duy Hạnh**

Phó Tổng Giám đốc



**Bà Phạm Nguyên Hạnh**

Phó Tổng Giám đốc



**Ông Hoàng Vệ Dũng**

Phó Tổng Giám đốc



**Ông Bùi Nguyên Tiến**

Phó Tổng Giám đốc



**Ông Nguyễn Đức Khiêm**

Phó Tổng Giám đốc



**Ông Nguyễn Khánh Sơn**

Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc  
Trung tâm Đào tạo CBQL doanh nghiệp  
Dệt May



**Ông Phạm Văn Tân**

Giám đốc Điều hành kiêm Kế toán trưởng



**Bà Phạm Minh Hương**

Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc  
Chi nhánh TĐ DMVN tại TP. HCM



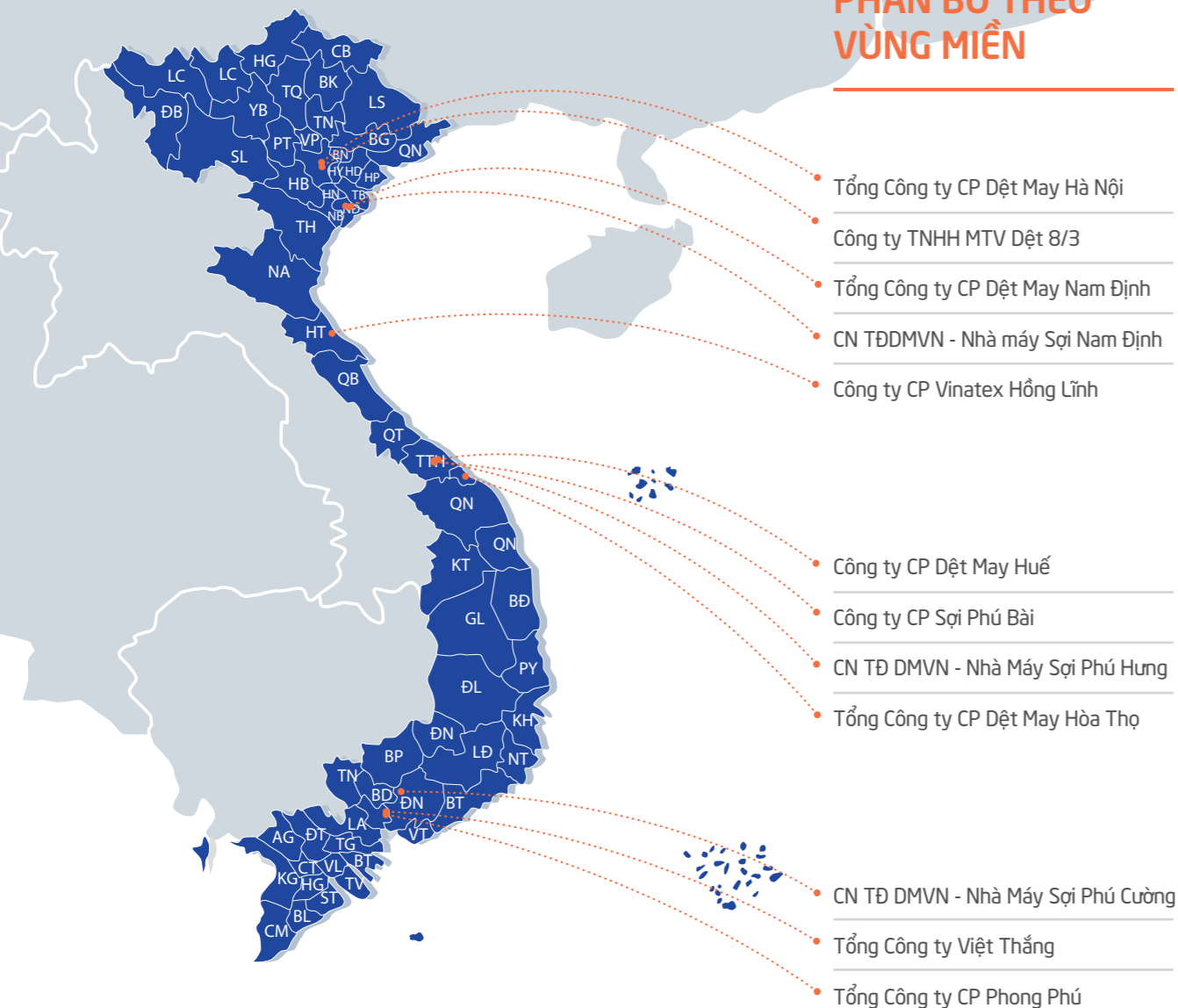
**Ông Lê Mạc Thuận**

Giám đốc Điều hành

# 5. THÔNG TIN VỀ LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH CHÍNH

## 5.1. SẢN XUẤT, KINH DOANH SỢI

### 5.1.1. PHÂN BỐ THEO VÙNG MIỀN

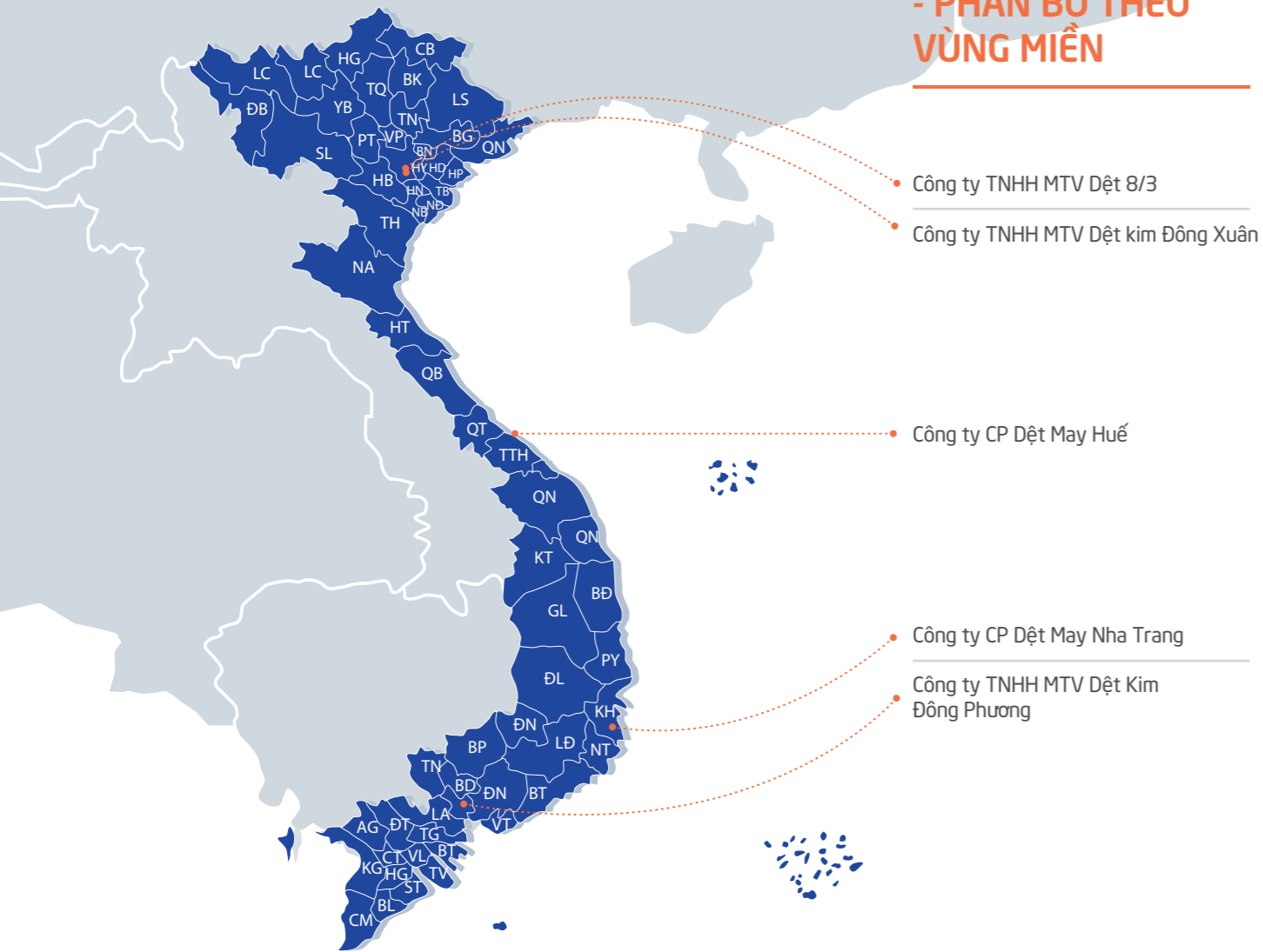


### 5.1.2. NĂNG LỰC SẢN XUẤT SỢI CỦA NHỮNG ĐƠN VỊ LỚN

TT	Công ty	Cọc sợi	Sản lượng (Ne30 tấn/năm)
<b>Tổng năng lực</b>		<b>852.800</b>	<b>133.000</b>
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	37.000	7.400
2	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	168.000	25.000
3	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	55.600	7.000
4	CN TĐDMVN - Nhà máy Sợi Nam Định	21.600	4.700
5	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	28.000	4.000
6	CN TĐDMVN - NM Sợi Phú Hưng	21.600	4.700
7	Công ty CP Sợi Phú Bài	50.100	12.000
8	Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ	58.900	12.600
9	Công ty CP Dệt May Huế	65.000	12.000
10	Tổng Công ty CP Phong Phú	232.400	25.300
11	Tổng Công ty Việt Thắng	84.600	12.300
12	CN TĐDMVN- Nhà máy Sợi Phú Cường	30.000	6.000

## 5.2. SẢN XUẤT, KINH DOANH VẢI

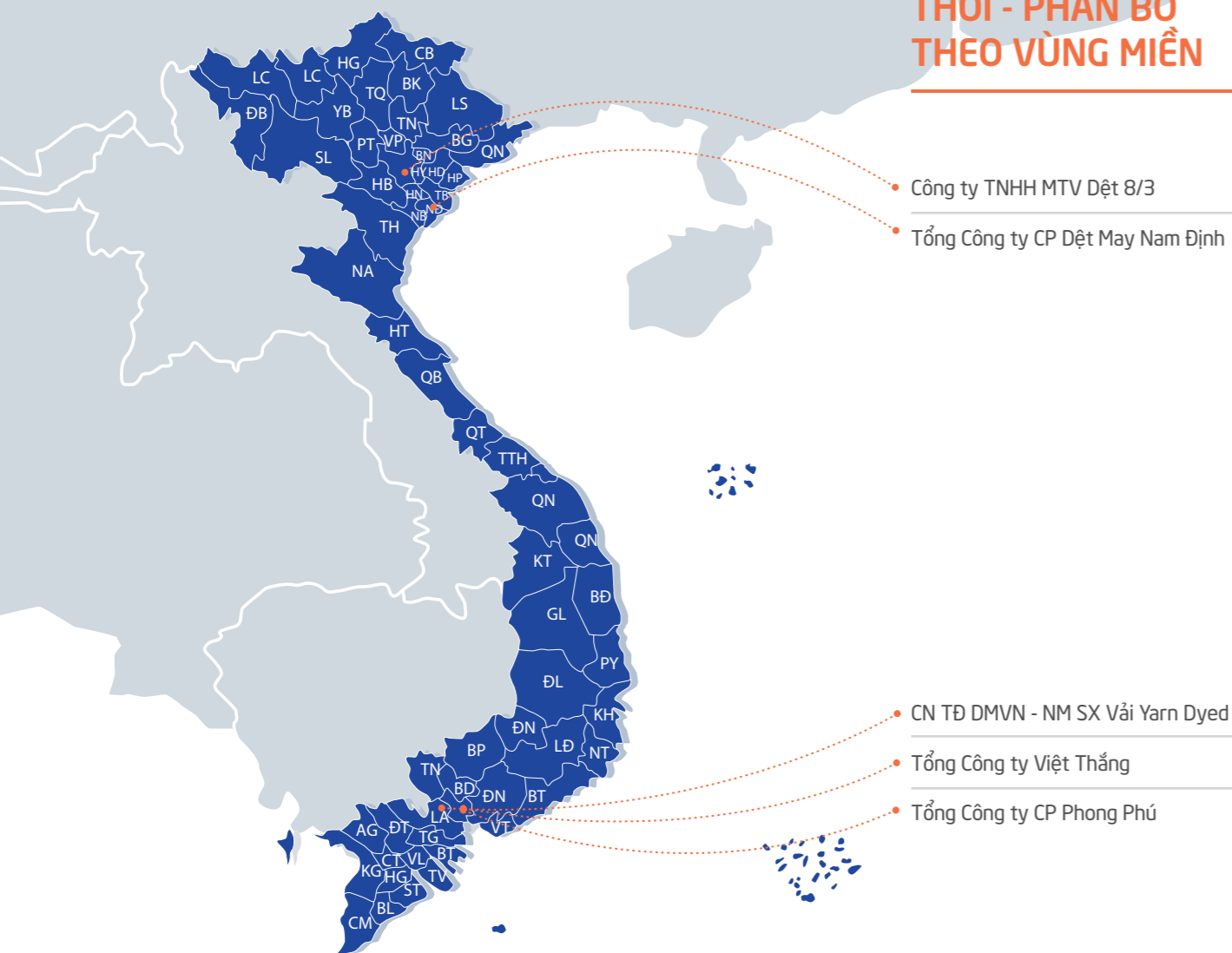
### 5.2.1. SẢN XUẤT, KINH DOANH VẢI DỆT KIM - PHÂN BỐ THEO VÙNG MIỀN



### 5.2.2. NĂNG LỰC SẢN XUẤT VẢI DỆT KIM

TT	Công ty	Năng lực sản xuất
1	Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	1.900 tấn/năm
2	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	3.000 tấn/năm
3	Công ty CP Dệt May Huế	1.500 tấn/năm
4	Công ty CP Dệt May Nha Trang	2.300 tấn/năm
5	Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	2.600 tấn/năm

### 5.2.3. SẢN XUẤT, KINH DOANH VẢI DỆT THOI - PHÂN BỐ THEO VÙNG MIỀN



- Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
- Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định

- CN TĐ DMVN - NM SX Vải Yarn Dyed
- Tổng Công ty Việt Thắng
- Tổng Công ty CP Phong Phú



### 5.2.4. NĂNG LỰC SẢN XUẤT VẢI DỆT THOI

TT	Đơn vị	Năng lực sản xuất
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	25 triệu mét/năm
2	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	18 triệu mét/năm
3	Tổng Công ty CP Phong Phú	11 triệu mét/năm
4	Tổng Công ty Việt Thắng	60 triệu mét/năm
5	CN TĐDMVN - Nhà máy SX Vải Yarn-dyed	10 triệu mét/năm

## 5.3. SẢN XUẤT, KINH DOANH HÀNG MAY MẶC

### 5.3.1. PHÂN BỐ THEO VÙNG MIỀN

#### CÁC ĐƠN VỊ MIỀN BẮC VÀ MIỀN TRUNG

- Tổng Công ty May Đáp Cầu
- Tổng Công ty May 10
- Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội
- Công ty TNHH MTV Dệt 8/3
- Tổng Công ty Đức Giang
- Tổng Công ty May Hưng Yên
- Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định
- Công ty CP May Nam Định
- Công ty CP Dệt May Huế
- Công ty CP Vinatex Đà Nẵng
- Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ
- CN TĐDMVN - XN May Vinatex Quảng Ngãi

#### CÁC ĐƠN VỊ MIỀN NAM

- Công ty CP Dệt May Nha Trang
- Tổng Công ty May Đồng Nai
- Tổng Công ty CP May Việt Tiến
- Tổng Công ty May Nhà Bè
- CN TĐDMVN - NM May Vinatex Kiên Giang



### 5.3.2. NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC

TT	Tên công ty	Số chuyên may	Công suất (triệu sản phẩm/năm)	Lao động (người)
	<b>Tổng</b>	<b>1.405</b>	<b>239,35</b>	
1	Tổng Công ty May 10	92	27,56	6.629
2	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	112	22,6	2.350
3	Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	18	2,9	1.270
4	Tổng Công ty May Hưng Yên	32	7,0	2.000
5	Tổng Công ty Đức Giang	196	17,88	11.255
6	Tổng Công ty May Đáp Cầu	91	32,04	4.500
7	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	74	2,19	2.546
8	Công ty CP May Nam Định	29	4,8	1.520
9	Công ty CP Dệt May Huế	48	19,2	2.700
10	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	46	8,37	2.019
11	Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ	141	17,61	9.546
12	CN TĐ DMVN - Xí nghiệp May Vinatex Quảng Ngãi	15	0,49	200
13	Công ty CP Dệt May Nha Trang	27	6,35	1.050
14	Tổng Công ty May Đồng Nai	88	6,0	3.299
15	Tổng Công ty May Nhà Bè	30	9,49	4.740
16	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	346	51,2	23.370
17	CN TĐDMVN- Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	20	3,67	1.500





# 4

## IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Báo cáo đánh giá của HĐQT
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát
3. Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

# 1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

## 1.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch HĐQT	08/01/2015	10/10	100%	
2	Ông Lê Tiến Trường	TV HĐQT, TGD	08/01/2015	10/10	100%	
3	Ông Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT, PTGD	08/01/2015	10/10	100%	
4	Ông Phạm Phú Cường	TV HĐQT, PTGD	08/01/2015	10/10	100%	
5	Ông Lê Khắc Hiệp	TV HĐQT	08/01/2015	10/10	100%	
6	Ông Lê Đình Ngọc	TV HĐQT độc lập	08/01/2015	9/10	90%	Đi công tác
7	Ông Don Di Lam	TV HĐQT độc lập	08/01/2015	5/10	50 %	Đi công tác và có ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp

**Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành 10 buổi họp và ban hành 34 nghị quyết để thông qua nhiều chủ trương quan trọng trong hoạt động và định hướng phát triển của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, trong đó có một số nội dung chính như sau:**

- Tiếp tục cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động, bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo của Tập đoàn và các đơn vị thành viên
- Thông qua việc thành lập các đơn vị phụ thuộc, các Tổng Công ty, chi nhánh Tập đoàn
- Thông qua các công tác thoái vốn, chuyển nhượng vốn, vay vốn để tái cơ cấu Tập đoàn



## 1.2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Trong Hội đồng Quản trị, có thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, do vậy luôn đảm bảo sự giám sát của Hội đồng Quản trị trong hoạt động điều hành. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc được thể hiện như sau:

Định kỳ hàng tháng, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Tập đoàn trong đó có các đơn vị mà Tập đoàn có vốn, Công ty mẹ Tập đoàn, đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý để tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tại các phiên họp Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn, các đơn vị trọng yếu trong Tập đoàn, khả năng đạt kế hoạch Tập đoàn giao, tình hình triển khai các dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, công tác thu xếp vốn, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khoa học công nghệ, công tác kiểm soát nội bộ; đề xuất kế hoạch, giải pháp cho những quý tiếp theo.



Hội đồng Quản trị cũng yêu cầu Tổng Giám đốc hàng quý báo cáo tình hình thực hiện, triển khai các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng Quản trị và báo cáo đột xuất nếu trong quá trình triển khai có vướng mắc để Hội đồng Quản trị có những chỉ đạo kịp thời.

Hội đồng Quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ cho từng Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành phụ trách từng lĩnh vực cụ thể, phụ trách từng vùng, miền, theo dõi phụ trách những đơn vị trọng yếu của Tập đoàn, phụ trách hoạt động của các Ban chức năng thuộc Tập đoàn. Hàng tháng, quý, Tổng Giám đốc đánh giá công khai hoạt động của từng Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành (tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể điều chỉnh phân công cho phù hợp), báo cáo Hội đồng Quản trị.



# 1.3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

## 1.3.1 TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN NGÀNH DỆT MAY



Trong năm 2015, kinh tế thế giới tăng trưởng ở mức 3,1%. Trong đó GDP của Mỹ tăng 2,5%, khu vực Châu Âu tăng 1,4%, Nhật Bản tăng 0,6%, Hàn Quốc tăng 2,7% và Trung Quốc tăng 3,7%. Tuy nhiên vẫn tồn tại những nguy cơ chính trị nghiêm trọng, trong đó có nguy cơ khủng bố, khủng hoảng người tị nạn, vẫn là những thách thức đối với nền kinh tế thế giới. Đặc biệt trong năm 2015, sự phá giá đồng tiền của các nước như Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ vào tháng 08/2015, Ấn Độ phá giá đồng Rupee và Indonesia phá giá đồng Rupiah... ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, dẫn đến mặt bằng giá sản phẩm dệt may đi xuống tại các quốc gia cạnh tranh về dệt may với Việt Nam.

Đối với kinh tế Việt Nam, tăng trưởng GDP năm 2015 của Việt Nam đạt 6,5%, vượt kế hoạch đề ra (6,2%). Chỉ số giá tiêu dùng dao động từ 1,5-2%, thấp hơn từ 3-3,5 điểm phần trăm so với mục tiêu 5% năm nay và là mức thấp nhất trong 15 năm qua. Lạm phát thấp giúp tiêu dùng phục hồi tốt, hoạt động SXKD của doanh nghiệp cũng cải thiện. Ngoài ra, lạm phát thấp cũng giúp Chính phủ điều tiết các chính sách vĩ mô, phù hợp với nền kinh tế Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm mặt bằng lãi suất cho vay để kích cầu kinh tế gia tăng, đồng thời cam kết điều hành linh hoạt để ổn định tỷ giá và tín dụng như hiện nay. Cụ thể, lãi suất năm 2015 bằng 40% lãi suất của nửa cuối năm 2011.

Việc các FTAs được đàm phán thành công sẽ mang lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp dệt may, đặc biệt trong việc giảm các mức thuế suất theo lộ trình tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nga...

Bên cạnh đó, đối với ngành dệt may, một số yếu tố đầu vào như giá điện tăng bình quân 5-7%, giá nước tăng, giá bông xơ tăng giảm thất thường... tác động lớn đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may.

Với chính sách mới về tăng lương tối thiểu và phí BHXH, BHYT cũng như phí công đoàn, Tập đoàn và các đơn vị thành viên có chính sách bù lương cho các công nhân không đảm bảo đủ năng suất, sản lượng do chưa đạt yêu cầu hoặc do mới tuyển dụng, đảm bảo mức lương tối thiểu vùng mới. Dẫn đến chi phí tăng và lợi nhuận giảm tương ứng. Trách nhiệm đóng góp của người lao động tăng, ảnh hưởng đến thu nhập thực tế.

## 1.3.2. HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 CỦA VINATEX

**Kết quả SXKD hợp cộng năm 2015 của Vinatex:**  
(chỉ bao gồm các đơn vị Tập đoàn có vốn)

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2014	Thực hiện năm 2015	So sánh 2015/2014 (%)
1	Giá trị Sản xuất Công nghiệp (Tỷ đồng)	32.169	36.064	112%
2	Doanh thu (không VAT) (Tỷ đồng)	35.964	39.503	110%
3	Kim ngạch xuất khẩu (Tính đủ) (Triệu USD)	2.160	2.388	111%
4	Kim ngạch nhập khẩu (Tính đủ) (Triệu USD)	1.194	1.155	97%
5	Lợi nhuận trước thuế của các đơn vị Tập đoàn có vốn (tỷ đồng)	-	-	-
6	Lao động bình quân (người)	83.873	85.588	102%
7	Thu nhập bình quân 1000đ/ng/tháng	5.987	6.270	105%

# 112%

Giá trị Sản xuất Công nghiệp 2015  
Tăng 112% so với 2014

# 110%

Doanh thu (không VAT) 2015  
Tăng 110% so với 2014



### 1.3.3. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC NĂM 2016

Thương mại thế giới được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 5,7%, 5,9% và 6% tương ứng cho các năm 2016, 2017 và 2018. Thương mại thế giới trong giai đoạn 2015-2020 sẽ chiếm khoảng 30%-35% GDP của toàn thế giới và có xu hướng tăng qua các năm. Trong đó, Trung Quốc và Ấn Độ được xem là những quốc gia có tốc độ tăng trưởng thương mại cao nhất trong giai đoạn này, bình quân khoảng 22%/năm.

Trong năm 2016, dự kiến nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định, hiệu quả đầu tư trong nước tiếp tục cải thiện. Tốc độ tăng xuất khẩu đạt 10%, tốc độ tăng tiêu dùng đạt 6,74%, cơ cấu tiêu dùng tư nhân chiếm tỷ trọng chủ đạo với 92%, tiêu dùng Chính phủ chỉ chiếm 8%.

Đặc biệt, với những cơ hội mà ngành dệt may có được nhờ các Hiệp định thương mại tự do được ký kết như ưu đãi thuế quan, tăng quy mô xuất khẩu, phát triển sang các thị trường mới, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp và trách nhiệm xã hội, dịch chuyển lên trong Chuỗi cung ứng toàn cầu, phát triển bền vững, đây sẽ là thời cơ, lực đẩy để thu hút các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam, cũng như khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất, nâng cao năng lực, hoàn thiện chuỗi cung ứng, đón đầu các hiệp định. Bên cạnh đó, cũng có không ít thách thức mà các doanh nghiệp dệt may cần phải đối mặt như đảm bảo quy tắc xuất xứ (QTXX) và các yêu cầu tuân thủ, cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các doanh nghiệp trong nước và FDI, thiếu hụt lao động chất lượng cao, đặc biệt là trong khâu Dệt nhuộm.

Vì vậy, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần nỗ lực hết mình để có thể tận dụng được thời cơ, khắc phục khó khăn, thách thức trong thời gian tới, khi Việt Nam hoàn tất ký kết các Hiệp định thương mại.



### 1.3.4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2016

Hiện tại, Vinatex có thể mạnh là đơn vị đi đầu ngành dệt may Việt Nam, cũng như có đầy đủ các thành phần cần thiết để xây dựng chuỗi cung ứng hoàn chỉnh (Sợi, Dệt, Nhuộm hoàn tất, May và nghiên cứu đào tạo). Mặt khác, Vinatex nói riêng và ngành dệt may Việt Nam nói chung đang đứng trước cơ hội tăng trưởng doanh thu xuất khẩu với các Hiệp định thương mại tự do đã, đang và sắp được ký kết như Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP), FTA Việt Nam - EU (EVFTA), FTA Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu,...

Trên cơ sở đó, việc hình thành mô hình chuỗi ODM-FOB với quy mô lớn là điều rất cần thiết đối với Tập đoàn, là bước tiến đột phá để tăng năng lực cạnh tranh với các doanh nghiệp dệt may FDI trong nước và các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may ở các quốc gia khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh...

Với định hướng như trên, trong năm 2016, Tập đoàn tiếp tục triển khai thành lập Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc và Tổng Công ty Dệt May Miền Nam. Đây là những Tổng Công ty có quy mô đủ lớn, là nguồn lực sản xuất cốt lõi do Tập đoàn chi phối, được hình thành trên cơ sở các Tổng Công ty/Công ty con và các dự án đầu tư mới của Tập đoàn, với mô hình ODM-FOB, thực hiện chuỗi liên kết sợi-dệt nhuộm-may cho từng vùng, miền để tạo giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu của các Hiệp định thương mại tự do như quy tắc xuất xứ từ sợi trở đi trong Hiệp định TPP, quy tắc xuất xứ từ vải trở đi trong hiệp định EVFTA.

## 2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát được bầu trong ĐHĐCĐ lần đầu của Tập đoàn có 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên chuyên trách, 2 thành viên kiêm nhiệm, 3 thành viên chuyên trách được bố trí tại các văn phòng chính của Tập đoàn, các thành viên Ban Kiểm soát đều có chuyên môn nghiệp vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tập đoàn.

Ban Kiểm soát đã ban hành Quy chế hoạt động; Chương trình hoạt động; Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Ban Kiểm soát.

Phương thức hoạt động: chủ động kiểm tra giám sát, phối hợp, trao đổi với HĐQT, Cơ quan Điều hành, các Ban chức năng, Người đại diện vốn của Tập đoàn, các Ban Kiểm soát của các đơn vị để thực hiện chức năng nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao.

### Trong năm 2015 Ban Kiểm soát đã thực hiện các công tác sau:

#### 1. Công tác giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và cơ quan Tổng Giám đốc trong việc thực hiện:

- Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Tổ chức các phiên họp của HĐQT.
- Việc ban hành các Quy chế hoạt động của HĐQT và các Quy chế hoạt động của Tập đoàn.

#### 2. Công tác giám sát hoạt động của Cơ quan Điều hành:

- Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD của Tập đoàn và các Công ty có vốn đầu tư của Tập đoàn.
- Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị phụ thuộc và các Công ty con của Tập đoàn.
- Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư của Công ty Mẹ Tập đoàn và các công ty con của Tập đoàn.
- Tình hình thực hiện tái cơ cấu Tập đoàn.
- Tình hình sử dụng vốn đầu tư của Tập đoàn.

#### 3. Công tác kiểm tra:

- Kiểm tra Báo cáo Tài chính quý, năm của Công ty Mẹ Tập đoàn và đơn vị phụ thuộc.
- Kiểm tra giám sát đặc biệt các đơn vị 100% vốn của Tập đoàn, các đơn vị khó khăn tiềm ẩn rủi ro, các Dự án đầu tư mới đi vào sản xuất, các hồ sơ thủ tục các dự án do Tập đoàn làm chủ đầu tư.

### Kết quả cụ thể những hoạt động trên như sau:

#### 1. Về việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Cơ quan Điều hành:

HĐQT đã thực hiện đúng Điều lệ Tổ chức hoạt động của Tập đoàn, đã thực hiện 10 Phiên họp HĐQT, đã ban hành 34 Nghị quyết để định hướng, giao nhiệm vụ và chỉ đạo Cơ quan Điều hành nhằm thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Cơ quan Điều hành luôn chấp hành pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của HĐQT và nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ do HĐQT và ĐHĐCĐ giao.

Cơ quan Điều hành luôn không ngừng đổi mới công tác quản lý điều hành Tập đoàn, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, thực hiện việc điều chỉnh, hoàn thiện các quy chế quản lý để ngày càng phù hợp với thực tế và luật pháp hiện hành.

Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: hoàn thành chỉ tiêu chia cổ tức 5% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Về thực hiện đầu tư: trong năm 2015 Tập đoàn đã triển khai 8 Dự án với tổng dự toán 2.061,334 tỷ đồng đã giải ngân 1.074,946 tỷ đ, đã đưa vào sản xuất 3 Dự án: Nhà máy Sợi Phú Hưng giai đoạn 2; Nhà Máy May Kiên Giang và Nhà máy sản xuất vải Yarn dyed Long An.

Về tái cơ cấu: đã thực hiện thoái vốn tại 9 đơn vị với tổng vốn 632,467 tỷ đồng, lợi nhuận đem lại 2,6 tỷ đồng.

#### 2. Về công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù tình hình thị trường có những biến động không thuận lợi, nhưng nhìn chung các đơn vị rất cố gắng giữ sản xuất ổn định, các Công ty cổ phần đạt được chỉ tiêu lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Dự án mới đi vào hoạt động như Nhà máy Sợi Phú Hưng đã sản xuất ổn định và có lãi vượt kế hoạch Dự án, Nhà máy may Kiên Giang mới đi vào hoạt động chưa đạt hiệu quả như dự án vì công nhân mới tuyển dụng năng suất chưa cao.

#### 3. Về Kiểm tra giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty Mẹ Tập đoàn:

Kết quả kiểm tra không có thay đổi so với Báo cáo đã kiểm toán, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 4. Khuyến nghị của Ban Kiểm soát:

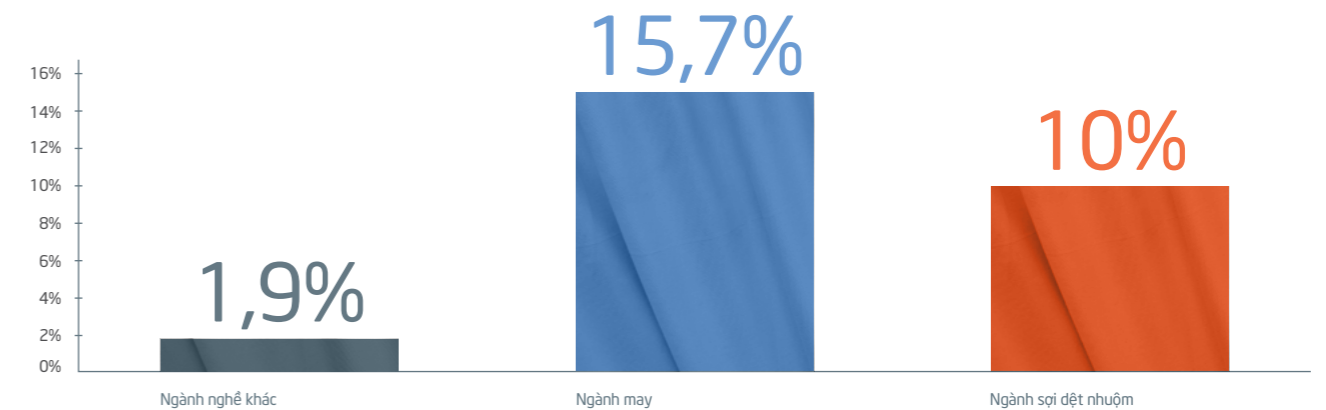
Hội đồng Quản trị và Cơ quan Điều hành Tập đoàn cần tập trung nguồn lực để chỉ đạo, quản lý, khai thác các Dự án mới đầu tư cho có hiệu quả, cơ cấu lại các khoản đầu tư để sử dụng hiệu quả đồng vốn đã đầu tư.

### Kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2016:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Cơ quan Điều hành Tập đoàn.
- Kiểm tra hoạt động của Công ty Mẹ Tập đoàn, các đơn vị phụ thuộc và 2 Tổng công ty Dệt May Miền Bắc và Miền Nam theo quý, năm.

Kết quả tỷ lệ lợi nhuận/ vốn đầu tư, bình quân chung 10,6%, theo nhóm ngành như sau:

- Ngành Sợi Dệt Nhuộm: 10%
- Ngành may : 15,7%
- Ngành nghề khác : 1,9%



## 3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 3.1. Hoạt động thị trường năm 2015

Tình hình nhập khẩu dệt may tại các thị trường lớn trong năm 2015 không mấy khả quan. Ngoại trừ thị trường Mỹ có mức tăng trưởng gần 8% về nhập khẩu dệt may, các thị trường EU, Nhật Bản, Hàn Quốc đều gặp khó khăn với mức tăng trưởng âm, lần lượt là -1,25%, -8,5% và -2%. Mặc dù vậy, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam sang các thị trường lớn đều đạt tăng trưởng dương, cụ thể tăng trưởng tại các thị trường Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc lần lượt là 11%, 2%, 6% và 2%. Trong năm 2015, tổng kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 26,8 tỷ USD, tăng 8,5% so với năm 2014.

Đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam, trong năm 2015, với việc phát triển thị trường tốt, tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, doanh thu hợp cộng toàn tập đoàn ước đạt 39.503 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu hợp cộng toàn tập đoàn ước đạt 2.388 triệu USD, tăng 11% so với năm 2014.

Trong đó, một số đơn vị thành viên Tập đoàn có quy mô xuất khẩu lớn và tăng trưởng tốt trong năm 2015 gồm: Tổng Công ty CP May Việt Tiến (đạt 404 triệu USD, tăng 10% so với năm 2014), Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP (đạt 84 triệu USD, tăng 16% so với năm 2014), Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ (đạt 145 triệu USD, tăng 16% so với năm 2014), Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (đạt 45 triệu USD, tăng 11% so với năm 2014).

Nhằm tăng cường khả năng phát triển, lãnh đạo và định hướng thị trường đối với các đơn vị thành viên, Vinatex đã thành lập Công ty TNHH MTV Vinatex Quốc tế (VTJ) và Trung

tâm Phát triển Chuỗi cung ứng (SCDC) với chức năng liên kết và hỗ trợ các đơn vị thành viên Tập đoàn trong việc khai thác, mở rộng, tìm kiếm khách hàng, hình thành phát triển hệ thống liên kết tạo thành chuỗi kinh doanh cung ứng từ nguyên liệu đến thành phẩm.

Chỉ trong một thời gian ngắn, SCDC đã có được 8 khách hàng thường xuyên về hàng may mặc, đang phát triển 20 khách hàng tại các thị trường Mỹ, Châu Âu, Hàn Quốc và Nhật Bản. Đối với mặt hàng bông, xơ, sợi: có được 10 khách hàng thường xuyên, đang phát triển 30 khách hàng tại các thị trường Chi Lê, Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia và Hàn Quốc. Những kết quả bước đầu đó khẳng định hướng đi đúng đắn của Tập đoàn trong việc liên kết các đơn vị thành viên, hình thành chuỗi cung ứng dệt may.

Đối với VTJ, kết quả kinh doanh của Công ty 100% doanh thu là FOB. Trong năm 2015, doanh thu tăng 193%, trong đó doanh thu từ xuất khẩu tăng 214% so với năm 2014. Từ đó nhận thấy việc phát triển theo mô hình VTJ là hướng đi đúng, hứa hẹn mang lại nhiều lợi ích cho Tập đoàn. Hiện tại, VTJ đang có 10 khách hàng lớn, giai đoạn đầu tập trung vào khách hàng Mỹ với đơn hàng lớn, chất lượng vừa phải, như JC Penny, Walmart, GAP, OneJeans, Perry Ellis và khách hàng Nhật Bản như Nomura, Toyobo. Sau một thời gian hoạt động, VTJ đã cơ cấu lại mặt hàng, tập trung chủ yếu vào mặt hàng có giá trị cao như Veston, Jacket. Ngoài ra vẫn tiếp tục duy trì các khách hàng truyền thống cho hàng quần như Aero, Soma.



### 3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	So sánh 2015/2014
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	676,4	869	128,4%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	416,9	603	144,6%
LNTT	Tỷ đồng	259,5	267	102,9%
Tỷ suất LNTT/VĐL	%	5,2%	5,3%	101,9%
Tỷ lệ chia cổ tức	%	5%	5%	100%

Kết quả kinh doanh hợp nhất toàn Tập đoàn:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	So sánh 2015/2014
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	14.061	15.817	112,5%
Tổng chi phí	Tỷ đồng	13.935	15.190	109%
LNTT	Tỷ đồng	530	627,3	118,4%
Tỷ suất LNTT/VCSH	%	12,3%	10,6%	86,2%

### 3.3. Phân tích tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn tương đối ổn định, các chỉ tiêu tài chính về khả năng thanh toán, các hệ số về vòng quay vốn lưu động, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay nợ phải thu có nhiều cải thiện so với năm 2014. Hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu được duy trì ở mức thấp. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014
I. Chỉ tiêu thanh khoản		
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,32	1,36
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,93	0,94
II. Chỉ tiêu hoạt động		
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,76	0,81
2. Hệ số luân chuyển hàng tồn kho	4	5
3. Hệ số luân chuyển các khoản phải thu	3,49	3,92
4. Vòng quay Vốn lưu động	1	2
III. Khả năng tự chủ tài chính		
1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản	0,61	0,61
2. Hệ số Nợ ngắn hạn / Vốn chủ sở hữu	1,05	0,94
3. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,57	1,57
IV. Hệ số khả năng sinh lời		
1. ROA	2,6%	3%
2. ROE	6,7%	7%



## 3.4. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA VINATEX

TT	TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	THÔNG TIN DỰ ÁN					Năng lực thiết kế		
		Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Ngành nghề đầu tư	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Qui mô thiết bị	Sản lượng/năm	
								Sản lượng /năm	Đơn vị tính
<b>CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY MỆ TẬP ĐOÀN</b>									
1	Dự án NM Sợi Nam Định của Tập đoàn	Vinatex	Nam Định	Sợi	2015	2016	2,1 vạn cọc	4.770	tấn
2	Dự án NM Sợi Phú Cường của Tập đoàn	Vinatex	Đồng Nai	Sợi	2014	2016	3 vạn cọc	6.000	tấn
3	Dự án NM May Vinatex Cần Thơ	Vinatex	Cần Thơ	May	2015	2016	29 chuyển may	6,5	triệu SP
4	Dự án NM May Bạc Liêu	Vinatex	Bạc Liêu	May	2015	2016	25 chuyển may	6	triệu SP
5	Dự án NM May Vinatex Lệ Thủy- Quảng Bình	Vinatex	Quảng Bình	May	2015	2016	20 chuyển may	3,6	triệu SP
6	Dự án NM May Tuyên Quang	Vinatex	Tuyên Quang	May	2015	2016	14 chuyển may	2,7	triệu SP
7	DA Vải Yarndyed phía Nam	Vinatex	KCN Xuyên Á - Long An	Dệt nhuộm	2014	2015		10	triệu mét
8	Dự án NM Sợi Phú Hưng	Vinatex	Khu CN Phú Bài - Huế	Sợi	2014	2015	2,1 vạn cọc	4.770	tấn
9	Dự án NM May Vinatex Kiên Giang	Vinatex	Kiên Giang	May	2014	2015	20 chuyển	3,67	triệu SP

<b>CÁC DỰ ÁN CỦA ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN</b>									
1	Đầu tư Nhà máy kéo sợi 2 vạn cọc sợi	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	Yên Mỹ - Hưng Yên	Sợi	2014	2015	1,8 vạn cọc sợi	5.799	tấn
2	Dự án đầu tư phát triển Dệt nhuộm tại miền Trung	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng	Dệt nhuộm	2014	2015	Nhà máy hoàn thiện Dệt - Nhuộm	24	Triệu mét
3	Dự án đầu tư nhà máy May và hệ thống hoàn thiện sản phẩm tại miền Trung	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	KCN Hòa Khánh - Đà Nẵng	May	2014	2015	Nhà máy May và Hoàn thiện sản phẩm	6,5 triệu SP; 12 triệu mét	Triệu SP; Triệu mét
4	DA Xí nghiệp May 2 thuộc Dự án Nhà máy may sản phẩm dệt kim chất lượng cao	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	Tân Dân - Khoái Châu - Hưng Yên	May	2015	2016		10,58	Triệu SP
5	DA Đầu tư nhà máy Sản xuất vải Dệt kim	TCT CP Phong Phú	Nha Trang	Dệt nhuộm				3.600	tấn
6	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sợi Đồng Văn 1	TCT CP Dệt may HN	Đồng Văn- Hà nam	Sợi	2016	2016	3 vạn cọc	5.500	tấn
7	Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy may Nam Đàn 2	TCT CP Dệt may HN	Nam Đàn- Nghệ an	May	2015	2016		5,4	Triệu SP
8	Đầu tư xây dựng nhà máy Sợi Thăng Bình	TCT CP Dệt may Hòa Thọ	Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	Sợi	2015	2016	2,1 vạn cọc	4.500	tấn
9	Dự án Di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	TCT CP DM Nam Định	Nam Định		2005	2020	Di dời toàn bộ nhà máy ra KCN		
10	DA ĐTXD NM May Vinatex Tư Nghĩa	Công ty CP Đầu tư phát triển Vinatex	Quảng Ngãi	May	2013	G.đoạn 2: 2016	34 chuyển	5,6	triệu SP
11	DA ĐTXD NM May Vinatex Hương Trà	Công ty CP Đầu tư phát triển Vinatex	Huế	May	2013	G.đoạn 2: 2016	34 chuyển	5,6	triệu SP
12	DA ĐTXD NM May Vinatex Bồng Sơn	Công ty CP Đầu tư phát triển Vinatex	Bình Định	May	2013	G.đoạn 2: 2017	51 chuyển	8,1	triệu SP
13	DA ĐTXD NM May Vinatex Nam An	Công ty CP Đầu tư phát triển Vinatex	Trường Thi, Tp. Nam Định	May	2013	G.đoạn 2: 2016	12 chuyển	0,45	triệu SP
14	DA đầu tư XD NM May tại xã Nam Tiến, Nam Trực, Nam Định	Công ty CP May Nam Định	Nam Định	May	2015	2016	20 chuyển	1,9	triệu SP

## 3.5. CÔNG TÁC ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

### 3.5.1. Quản trị nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy

#### a. Số lượng, thu nhập

Số lượng lao động năm 2015:

**85.588** người

Thu nhập bình quân năm 2015:

**6,3** triệu đồng/người/tháng

#### b. Chế độ làm việc

##### Thời gian làm việc, nghỉ ngơi

Vinatex và các đơn vị thành viên tuân thủ các quy định của Nhà nước về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi. Khi có yêu cầu để bảo đảm tiến độ, chất lượng cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Tập đoàn và các đơn vị thành viên tổ chức cho cán bộ nhân viên (CBNV) làm thêm giờ theo quy định pháp luật và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

CBNV được hưởng chế độ nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo đúng quy định của Bộ Luật lao động hiện hành.

##### Điều kiện làm việc

Tập đoàn trang bị đầy đủ trang thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí công việc. Hàng năm, các cán bộ nhân viên trong Tập đoàn được kiểm tra sức khỏe định kỳ, khám bệnh và điều trị bệnh nghề nghiệp, thai sản, bệnh phụ nữ... Nhiều đơn vị đã mời bác sỹ tư vấn đến nói chuyện, tư vấn chăm sóc sức khỏe, công tác kế hoạch hóa gia đình...cho cán bộ nhân viên.

##### Nội quy lao động

Tập đoàn và đơn vị thành viên đều rất chú trọng xây dựng và thực hiện Nội quy lao động theo đúng quy định của Pháp luật.

#### Các chế độ phụ cấp

Tùy theo từng vị trí công việc, Tập đoàn và các đơn vị có các chế độ phụ cấp: điện thoại, xe đưa đón, ăn trưa, nhà ở... Hầu hết các nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca cho cán bộ nhân viên.

Đối với các cán bộ nhân viên chưa có nhà ở, nhiều đơn vị xây dựng được các khu nhà để cho cán bộ nhân viên thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà.

#### Tuyển dụng

Vinatex và các đơn vị thành viên thông báo tuyển dụng công khai khi có nhu cầu; không phân biệt đối xử về giới, tình trạng hôn nhân, gia đình... Quá trình tuyển dụng đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của từng vị trí công việc như kỹ năng nghề, các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật và không ngừng vươn lên học hỏi.

#### Lương, Thưởng

Tập đoàn và các đơn vị đã xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng và trình độ chuyên môn, kết quả công việc của mỗi cán bộ nhân viên, đã tạo được động lực khuyến khích mỗi cán bộ nhân viên phát huy tối đa năng lực, trách nhiệm, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

#### Khen thưởng

Tập đoàn đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng tại tất cả các cơ sở của Tập đoàn, theo đó mọi CBNV có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng, với những hình thức như: tặng Giấy khen/ Bằng khen cấp Cơ sở, tặng Giấy khen/ Bằng khen cấp Tập đoàn, để bạt, nâng lương trước hạn...

#### c. Đào tạo nhân sự

Tập đoàn và các đơn vị đặc biệt coi trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Ngoài việc các đơn vị tự tổ chức đào tạo, Ban Quản lý nguồn nhân lực của Tập đoàn đã phối hợp với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu của Tập đoàn gồm Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp dệt may, Trường Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội, Trường Cao

đẳng Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex TP. Hồ Chí Minh, Viện Dệt May để tổ chức nhiều khóa đào tạo cho cán bộ quản lý cấp cao, cán bộ quản lý cấp trung, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ nhu cầu nhân lực cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn. Mối quan hệ ba bên giữa "Tập đoàn - Đơn vị đào tạo, nghiên cứu - Doanh nghiệp" được tăng cường thắt chặt.

#### Nhiều chương trình, khóa đào tạo đã được Tập đoàn và các đơn vị triển khai như:

##### Các chương trình đào tạo bắt buộc cho nhân viên mới

Đào tạo nghề cho nhân viên mới; kiến thức chung về sản phẩm, dịch vụ; quy trình làm việc theo ngành nghề; kỹ năng bắt buộc theo từng ngành nghề; các quy định chung về Nội quy lao động; quy định về an toàn vệ sinh lao động...

##### Các chương trình đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật - công nghệ, kỹ năng mềm

Theo đặc thù từng vị trí công việc, Tập đoàn và các đơn vị đã tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật - công nghệ, kỹ năng mềm để giúp các cán bộ nhân viên hoàn thiện kiến thức, kỹ năng của bản thân.

##### Các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý

Ngoài việc cử đi học tập tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, Tập đoàn còn mời các chuyên gia nước ngoài về giảng dạy cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao. Chương trình đào tạo cán bộ nguồn được áp dụng cho các cán bộ tiềm năng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên được chọn lọc để phát triển, nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự của Tập đoàn cũng như của các đơn vị thành viên.

#### d. Hoạt động đoàn thể

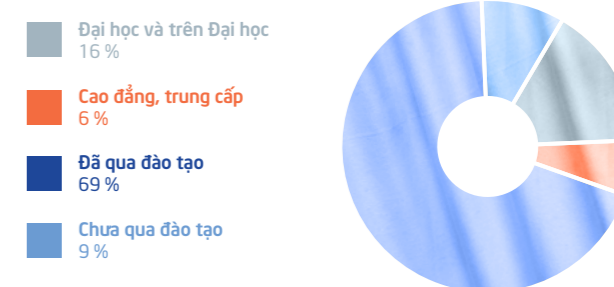
Tập đoàn đặc biệt quan tâm đến hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi và đời sống tinh thần của cán bộ nhân viên. Trong những ngày lễ kỷ niệm như Ngày quốc tế 8/3, Phụ nữ Việt Nam 20/10, Tập đoàn đã tổ chức nhiều thăm quan, hội thảo, tặng quà các chị em phụ nữ, thi trang điểm, nấu ăn, cắm hoa, tọa đàm về phụ nữ, phối hợp tổ chức các diễn đàn, các cuộc thi ...

Ngoài ra, hàng năm, cán bộ nhân viên cùng nhau tham gia

các hoạt động tình nguyện, cứu trợ cấp phát lương thực, quần áo ấm, sách vở cho nhà trẻ mồ côi, các hộ nghèo tại vùng sâu vùng xa trên khắp Tổ quốc, hiến máu nhân đạo...

#### e. Biểu đồ cơ cấu nhân sự theo trình độ, giới tính, độ tuổi

Biểu đồ 1: Báo cáo lao động theo độ tuổi



Biểu đồ 2: Cơ cấu lao động theo độ tuổi



#### f. Về bộ máy hoạt động:

Cơ quan Tập đoàn đã thực hiện sáp nhập, thu gọn các bộ phận, phòng ban chức năng để tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực cốt lõi gồm thị trường, đầu tư, tài chính và phát triển nguồn nhân lực.

Tập đoàn thoái vốn tại các đơn vị ngoài ngành để tập trung đầu tư vào ngành nghề cốt lõi. Trong năm 2015, Tập đoàn và các đơn vị thành viên đã tổ chức triển khai đầu tư nhiều dự án mới theo chuỗi cung ứng dệt may để đón đầu những Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã và đang đàm phán, ký kết.



### 3.5.2. Đổi mới Khoa học Công nghệ

Trong năm 2015, các đơn vị thuộc khối Viện Trường của Tập đoàn đã thực hiện 05 đề tài cấp Nhà nước, 24 đề tài cấp Bộ, 05 đề tài thuộc cấp Sở, 04 đề tài với các tổ chức KHCN khác và 04 đề tài nhiệm vụ cấp Tập đoàn. Chất lượng và hiệu quả của các đề tài, dự án được đánh giá cao theo hướng tính khả thi khi áp dụng phục vụ sản xuất kinh doanh, sản phẩm của các đề tài nhiệm vụ nghiên cứu đã có tín hiệu tốt từ thị trường. Một số sản phẩm từ các loại nguyên liệu mới để tạo ra các mặt hàng dệt có tính năng khác biệt giá trị gia tăng cao như sản phẩm dệt từ bông hữu cơ, vải dệt kim dệt từ các loại nguyên liệu sợi polyester biến tính có chức năng thấm nước và khô nhanh, kháng tia UV, vải giữ nhiệt heattech từ nguyên liệu viloft, các loại sợi compact, siro, sợi có lõi đàn hồi, sợi fancy/slub,...

Nhóm đề tài về phát triển phương pháp thử, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống kiểm soát chất lượng đã nâng cao năng lực cho các Trung tâm giám định, thí nghiệm (đáp ứng hệ thống quản lý theo ISO 17020, 17025) trong việc mở rộng các dịch vụ giám định, chứng nhận và thử nghiệm mới cho khách hàng tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng cho các doanh nghiệp khi nhập khẩu nguyên liệu theo Thông tư 37 của Bộ Công Thương và xuất khẩu sản phẩm dệt may tới các thị trường Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản,...

Các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực thiết kế thời trang đã được áp dụng để thiết kế bộ sưu tập cho các doanh nghiệp, tạo ngân hàng mẫu từ những kết quả nghiên cứu để chào hàng cho các doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực phát triển nguồn nguyên liệu trong nước, Viện Nghiên cứu Bông đã thu thập được 26 mẫu giống bông, 05 mẫu giống gai xanh mới. Bảo tồn và lưu giữ an toàn nguồn gen cây bông hiện có với 2.259 mẫu giống bông các loại, làm thực liệu cho công tác chọn tạo giống.

Các doanh nghiệp đã tập trung các nguồn lực để nâng cao năng suất lao động như đầu tư mở rộng, bổ sung nâng cấp các dây chuyền công nghệ đồng bộ hiện đại, tự động đổ sợi trên máy sợi con, tự động hóa chuyển sợi thô sang máy sợi con, từ máy sợi con sang máy đánh ống sợi; sử dụng hệ thống điều khiển cục bộ cho từng khu vực trong gian máy sợi dệt; với xưởng may sử dụng nguyên lý điều khiển thông gió áp suất dương tạo ra môi trường làm việc thông thoáng thoải mái cho công nhân.

Công tác bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và an toàn phòng chống cháy nổ cũng được thực hiện nghiêm túc. Kế hoạch Bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội (ESMS) toàn Tập đoàn được triển khai và kiểm soát chặt chẽ. Vấn đề xử lý nước thải dệt nhuộm đáp ứng được yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra theo quy chuẩn quốc gia. Định hướng sử dụng các thiết bị nhuộm dung tỷ thấp, sử dụng ít nước, ít hóa chất thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng. Hoạt động an toàn vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ trong năm không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng tại nơi làm việc, không xảy ra chập chày, hỏa hoạn nghiêm trọng, không xảy ra ngộ độc thực phẩm.



### 3.5.3. Đổi mới quản trị tài chính

Trong năm 2015, trước các yêu cầu đối với công ty đại chúng quy mô lớn và nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, Tập đoàn đã triển khai nhiều biện pháp để đổi mới quản trị tài chính theo hướng đảm bảo thu xếp nguồn vốn đầu tư và vốn cho SXKD hợp lý; luôn có phương án tài chính an toàn và hiệu quả cho các dự án đang và sẽ triển khai; đảm bảo việc sử dụng vốn của các cổ đông đạt hiệu quả. Cụ thể như sau:

- Xây dựng lại mô hình tài chính Tập đoàn, hiện đại - hiệu quả - linh hoạt. Theo đó, **(1) Tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp thuộc khu vực vốn đầu tư sinh lời, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và ổn định; (2) Tập trung các nguồn lực để xây dựng mô hình kinh doanh hiệu quả cho các chi nhánh và dự án đang triển khai để nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng các yêu cầu của các FTA và đi đúng định hướng phát triển của Tập đoàn; (3) Thoái vốn tại các doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả, khó có khả năng phục hồi để tập trung vào ngành nghề cốt lõi;**
- Tái cơ cấu các khoản đầu tư bằng việc thu gọn các đầu mối quản lý; tăng cường liên kết chuỗi và tận dụng tối đa sức mạnh nội bộ cả về thị trường - đầu tư - tài chính thông qua việc thành lập Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc, Tổng Công ty Dệt May Miền Nam đồng thời tiếp tục nghiên cứu mô hình hoạt động của Tổng Công ty Dệt May Miền Trung, nhằm tập trung tài chính và các nguồn lực khác để triển khai các phương thức quản lý và sản xuất hiện đại.

- Thúc đẩy và hoàn thiện việc vay vốn ADB để đảo nợ và tái cơ cấu Tập đoàn, từ đó tiết giảm chi phí sử dụng vốn, tăng khả năng cạnh tranh và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm và chia sẻ với các đơn vị thành viên các nguồn vốn rẻ và phù hợp.
- Giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên thông qua Người đại diện tại các doanh nghiệp, từ đó có giải pháp hỗ trợ kịp thời, chia sẻ khó khăn, đảm bảo kết quả kinh doanh theo kế hoạch và lợi ích của cổ đông.
- Hình thành bộ phận quản lý rủi ro tài chính để đưa ra các cảnh báo rủi ro về lãi suất, tỷ giá...

### 3.5.4. Quản trị rủi ro

Các nội dung quản trị rủi ro trọng yếu của Tập đoàn:

Kiểm soát rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kiểm soát, đánh giá các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động SXKD, phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp khắc phục:
- Rủi ro về thị trường, giá cả.
- Rủi ro về nguyên vật liệu.
- Rủi ro về lao động.
- Rủi ro về chính sách tiền lương, BHXH...
- Rủi ro về tỷ giá, lãi suất tiền vay.
- Rủi ro về tiền đất, tiền điện, xăng dầu...
- Rủi ro về cơ chế chính sách Luật pháp (thuế, hải quan...)

Kiểm soát rủi ro trong hoạt động đầu tư:

- Đối với các dự án đầu tư, Tập đoàn thường xuyên kiểm soát và chỉ đạo thực hiện: tuân thủ các thủ tục pháp lý trong đầu tư; thực hiện đúng tiến độ đầu tư theo dự án đã được phê duyệt; cân đối nguồn vốn dùng cho đầu tư, hạn chế dùng nguồn vốn vay ngắn hạn cho đầu tư.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Kiểm soát rủi ro hàng hóa tồn kho và công nợ:

- Kiểm soát hàng tồn kho.
- Kiểm soát về công nợ.



## V. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

1. Thông tin cổ đông, cơ cấu cổ đông
2. Quan hệ với cổ đông và nhà đầu tư

# 1. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## 1.1. TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH: 500.000.000 CP

### 1.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

STT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Bộ Công thương	267.438.100	53,488%	1
2	Cổ đông chiến lược - Công ty CP Tập đoàn ĐTPT Việt Nam	70.000.000	14,000%	1
3	Cổ đông chiến lược - Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP	50.000.000	10,000%	1
4	Cổ đông là cá nhân trong nước	50.679.000	10,136%	1.750
5	Cổ đông là tổ chức trong nước	6.850.000	1,370%	5
6	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	32.900	0,007%	18
7	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	55.000.000	11,000%	12
<b>TỔNG</b>		<b>500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.788</b>



### 1.3. THÔNG TIN CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Bộ Công thương	Số 54 Hai Bà Trưng, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	267.438.100	53,49%
2	Công ty CP Tập đoàn ĐTPT Việt Nam	Số 115 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	70.000.000	14,00%
3	Tập đoàn VINGROUP - Công ty CP	Số 7, Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	50.000.000	10,00%
4	Bùi Mạnh Hưng	8/98 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	30.000.000	6,00%
<b>TỔNG</b>			<b>417.438.100</b>	<b>83,49%</b>

## 2. QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư: Tập đoàn Dệt may Việt Nam luôn duy trì việc giải đáp thắc mắc, cung cấp thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích và các bên liên quan để bảo đảm tất cả cổ đông được đối xử bình đẳng, bao gồm cổ đông nhỏ lẻ và cổ đông tổ chức, cổ đông trong nước hay cổ đông nước ngoài. Tập đoàn cam kết công bố và minh bạch hóa thông tin, cung cấp cho cổ đông và nhà đầu tư các thông tin kịp thời, chính xác về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn theo đúng Quy chế công bố thông tin đã ban hành.

Theo tiêu chí này, các thông tin, báo cáo của Tập đoàn thường xuyên được cập nhật trên website chính thức. Các thông tin về các báo cáo định kỳ và bất thường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn, cổ đông và nhà đầu tư đều có thể xem thông tin và tải các báo cáo trên chuyên mục Quan hệ cổ đông (dành cho nhà đầu tư) của Tập đoàn từ website: [www.vinatex.com.vn](http://www.vinatex.com.vn). Bộ phận Quan hệ cổ đông của Tập đoàn sẽ tiếp tục phát huy các hoạt động của

minh trong tương lai để làm tốt việc tiếp nhận, phản hồi và cung cấp thông tin trên cơ sở các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán.

Quý vị cổ đông, nhà đầu tư có thể liên lạc với chúng tôi qua địa chỉ email: [qhcd@vinatex.com.vn](mailto:qhcd@vinatex.com.vn)

## VI. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1. Góp phần đảm bảo an sinh xã hội, tạo công ăn việc làm cho người lao động
2. Tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện, giúp đỡ người nghèo
3. Hành động về môi trường, đảm bảo môi trường làm việc xanh

# 1. GÓP PHẦN ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Vinatex còn đóng một vai trò hết sức quan trọng thông qua việc tạo công ăn việc làm cho trên 85 nghìn lao động, góp phần ổn định kinh tế xã hội đất nước.



**Điều kiện làm việc của người lao động của ngày càng được cải thiện:**

- Hầu hết các xưởng sản xuất đều có hệ thống điều hòa không khí, nhà vệ sinh sạch sẽ.



Vinatex và các đơn vị thành viên luôn thực hiện tốt các chế độ, chính sách, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo cuộc sống của người lao động, đồng thời thu hút được nguồn nhân lực mới.



- Nhiều doanh nghiệp đã triển khai xây dựng khu nhà cho công nhân, xây dựng nhà trẻ cho cán bộ nhân viên, hoặc có những chính sách hỗ trợ cho cán bộ nhân viên gửi con tại nhà trẻ, bố trí xe đưa đón công nhân hàng ngày.



- Tất cả các doanh nghiệp đều lo bữa ăn trưa cho người lao động với chất lượng bảo đảm, vệ sinh, an toàn thực phẩm.



- Đặc biệt, các doanh nghiệp bắt đầu tổ chức bữa ăn sáng cho cán bộ nhân viên trước khi vào làm việc.



- Tổ chức đưa đón công nhân về nghỉ Tết; tổ chức tham quan, nghỉ mát trong và ngoài nước, tặng quà cho con em của cán bộ nhân viên đạt thành tích tốt trong học tập, tặng quà Tết thiếu nhi, Trung thu, thăm hỏi công nhân có hoàn cảnh khó khăn...



- Tập đoàn có Trung Tâm Y tế - Bệnh viện Dệt May để chăm sóc điều dưỡng chữa trị bệnh cho người lao động, tại các doanh nghiệp đều có trạm y tế để theo dõi cấp phát thuốc cho người lao động.





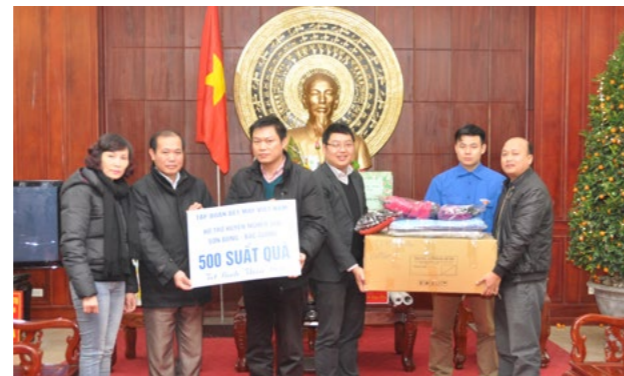
## 2. THAM GIA ỦNG HỘ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TỪ THIỆN, GIÚP ĐỠ NGƯỜI NGHÈO

Bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất tinh thần của người lao động, Vinatex cũng đã thực hiện tốt công tác từ thiện, góp phần xóa đói giảm nghèo.

- Từ năm 2011, thực hiện chỉ đạo của “Ban chỉ đạo chương trình 30A”, nhà máy May Sơn Động đã được xây dựng với tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng, duy trì hoạt động tạo việc làm cho 500 lao động với mức thu nhập trung bình 4 triệu đồng/người/tháng trong năm 2015, góp phần xóa nghèo bền vững cho các hộ dân trong vùng.



- Vào dịp Tết nguyên đán, Vinatex đã tổ chức thăm hỏi tặng quà cho nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, đồng bào nghèo xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang...



- Ủng hộ chiến sĩ đồng bào biển đảo, bộ đội Trường Sơn, đặc biệt Tập đoàn đã tổ chức “Ngày hội hiến máu nhân đạo” - một hoạt động thiết thực, ý nghĩa và mang tính nhân văn sâu sắc.



## 3. HÀNH ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG, ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC XANH

### 3.1. CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2015

Tập đoàn đã xây dựng kế hoạch Bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội ESMS cho năm 2015 và thực hiện theo kế hoạch đã đề ra với kết quả như sau:

- 100% các đơn vị >51% vốn của Tập đoàn có Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) / Cam kết bảo vệ môi trường (CKBVM) / Đề án bảo vệ môi trường (ĐABVM) được phê duyệt.
- Các dự án mới đầu tư của Tập đoàn bao gồm: Dự án Sợi Nam Định, May Tuyên Quang, May Quảng Bình, Sợi Phú Hưng, May Cần Thơ, May Bạc Liêu, Sợi Phú Cường, Nhà máy Yarn Dyed đều có Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Vấn đề xử lý nước thải (XLNT) công nghiệp dệt nhuộm: đáp ứng được yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra. Trung tâm XLNT Khu Công nghiệp Phố Nối đã hoàn thành việc cải tạo hệ thống; Nhà máy Nhuộm Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định đã di dời và hoạt động tại Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải.
- Vấn đề khí thải công nghiệp: đạt yêu cầu.
- Chất thải nguy hại được lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.
- Tổ chức Tập huấn về “Nâng cao năng lực thực thi công tác Bảo vệ môi trường, Trách nhiệm xã hội và An toàn sản phẩm dệt may” cho các cán bộ công nhân viên phụ trách trong toàn Tập đoàn.

### 3.2. CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG - PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ (ATVSLĐ-PCCN)

Hoạt động ATVSLĐ-PCCN của Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2015 đã được định hướng mục tiêu: không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng tại nơi làm việc, không xảy ra chập cháy, hỏa hoạn nghiêm trọng, không xảy ra ngộ độc thực phẩm. Trên cơ sở đó, Tập đoàn đã hướng dẫn và chỉ đạo các các đơn vị thành viên xây dựng kế hoạch và thực hiện có hiệu quả công tác ATVSLĐ-PCCN.

Về hoạt động đào tạo huấn luyện: 100% các đơn vị tổ chức các lớp tập huấn về ATVSLĐ-PCCN, một số đơn vị phối hợp với các cơ quan chức năng tại địa phương tổ chức các hội thao an toàn trong dịp tuần lễ Quốc gia về ATVSLĐ-PCCN. Về công tác VSLĐ: giữ môi trường sạch đẹp, đảm bảo an toàn cho người lao động, khám sức khỏe định kỳ, trang bị bảo hộ lao động.

Về hoạt động kiểm tra tại đơn vị: kiểm tra thường xuyên và định kỳ số lượng và chất lượng các loại dụng cụ PCCN tại đơn vị, tăng cường kiểm tra trước mỗi kỳ nghỉ dài ngày.



## VII. BÁO CÁO KIỂM TOÁN HỢP NHẤT TẬP ĐOÀN NĂM 2015

**Giấy chứng nhận****Đăng ký doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ Quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 5/2/2015</i> )
Ông Trần Văn Phổ	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành ( <i>đến ngày 1/2/2016</i> )

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Cơ quan  
Tổng Giám đốc

Lê Tiến Trường

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 81.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề lưu ý**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới:

- Thuyết minh 1(d) của báo cáo tài chính hợp nhất. Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 1(d).
- Thuyết minh 5(a) của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị các khoản đầu tư nói trên.

## **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-473

---

Đàm Xuân Lâm  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0861-2013-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Lê Việt Hùng  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>9.271.733.675.706</b>	<b>9.581.926.874.368</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>2.472.432.913.255</b>	<b>2.544.719.495.496</b>
Tiền	111		590.333.971.499	459.464.385.556
Các khoản tương đương tiền	112		1.882.098.941.756	2.085.255.109.940
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>301.120.832.500</b>	<b>448.682.799.237</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	60.000.000	31.668.726.240
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	-	(2.383.093.720)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	301.060.832.500	419.397.166.717
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.282.048.883.299</b>	<b>3.444.385.008.056</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.238.223.471.110	2.230.217.513.550
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		433.645.958.970	419.430.451.176
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	201.879.168.302	349.825.813.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	733.613.795.186	638.806.849.783
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(325.943.716.677)	(193.895.620.013)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		630.206.408	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>2.833.378.134.133</b>	<b>2.849.137.288.402</b>
Hàng tồn kho	141		2.874.036.790.784	2.903.242.583.776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.658.656.651)	(54.105.295.374)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>382.752.912.519</b>	<b>295.002.283.177</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20(a)	22.994.230.608	21.148.598.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		345.073.774.304	230.875.489.183
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	24(a)	14.379.634.977	30.341.386.117
Tài sản ngắn hạn khác	155		305.272.630	12.636.808.929

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>9.538.769.924.584</b>	<b>8.198.986.999.039</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>585.474.923.940</b>	<b>504.566.658.594</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.859.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	578.615.923.940	504.566.658.594
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.726.268.318.378</b>	<b>4.649.734.037.823</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	4.547.292.417.355	4.447.696.407.185
<i>Nguyên giá</i>	222		9.524.976.809.545	9.081.997.845.428
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.977.684.392.190)	(4.634.301.438.243)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	63.085.606.759	50.939.056.442
<i>Nguyên giá</i>	225		77.869.150.876	57.831.747.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(14.783.544.117)	(6.892.691.378)
Tài sản cố định vô hình	227	17	115.890.294.264	151.098.574.196
<i>Nguyên giá</i>	228		139.714.166.423	173.183.263.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.823.872.159)	(22.084.689.357)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>18</b>	<b>137.122.569.411</b>	<b>49.646.504.419</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		162.031.019.056	72.027.858.343
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(24.908.449.645)	(22.381.353.924)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.588.289.306.866</b>	<b>576.625.489.809</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	1.588.289.306.866	576.625.489.809
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.993.460.437.532</b>	<b>1.868.678.886.499</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(c)	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	371.556.535.617	459.925.719.935
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(26.782.132.536)	(40.096.750.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	5.000.000	4.919.364.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>508.154.368.457</b>	<b>549.735.421.895</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	20(b)	461.209.582.886	461.739.439.935
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	12.818.658.533	23.607.355.487
Tài sản dài hạn khác	268		869.753.783	34.463.839.735
Lợi thế thương mại	269	22	33.256.373.255	29.924.786.738
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>11.477.592.278.042</b>	<b>11.248.352.474.702</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.841.976.024.142</b>	<b>7.222.785.807.932</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	1.203.491.557.996	1.331.463.029.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.828.899.328	56.575.343.418
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24(b)	101.968.149.707	97.165.934.654
Phải trả người lao động	314		561.035.504.008	499.716.279.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25(a)	188.889.816.832	183.044.476.856
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26(a)	6.833.858.515	9.495.875.465
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	684.215.591.558	1.013.600.912.606
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	3.884.716.676.655	3.901.269.718.972
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	4.717.381.547	1.063.781.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	133.278.587.996	129.390.455.110
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.635.616.253.900</b>	<b>4.025.566.666.770</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	23	21.780.241.292	28.388.184.613
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		33.983.303.750	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	25(b)	28.794.411.822	28.460.160.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26(b)	110.715.995.720	74.452.964.030
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	55.439.098.840	506.989.812.546
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	4.221.370.382.990	3.240.084.045.057
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	46.007.444.456	26.250.970.855
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	117.290.115.751	119.291.005.625
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		235.259.279	1.649.524.044

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>31</b>	<b>7.332.911.322.248</b>	<b>6.532.561.398.705</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.291.482.698.813</b>	<b>6.489.435.488.672</b>
Vốn cổ phần/vốn góp	411	32	5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	770.234.193.045
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(748.765.581.042)	(803.152.512.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	421.021.002.398	388.519.949.500
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.944.352.367	10.735.145.017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		563.486.264.926	207.834.918.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		147.491.675.907	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		415.994.589.019	207.834.918.253
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	34	497.352.336.562	2.760.607.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.475.284.041.971	1.612.907.276.735
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>41.428.623.435</b>	<b>43.125.910.033</b>
Nguồn kinh phí	431		3.004.072.271	947.591.542
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		38.424.551.164	42.178.318.491
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>36</b>	<b>15.180.850.358.432</b>	<b>13.487.907.302.295</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>36</b>	<b>22.100.729.500</b>	<b>27.384.227.424</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>36</b>	<b>15.158.749.628.932</b>	<b>13.460.523.074.871</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>37</b>	<b>13.292.797.150.841</b>	<b>11.926.706.430.915</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.865.952.478.091</b>	<b>1.533.816.643.956</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	442.313.467.907	235.737.779.196
Chi phí tài chính	22	39	688.664.328.894	331.092.115.210
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>354.284.173.973</i>	<i>275.969.528.569</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		498.259.938.877	378.428.504.000
Chi phí bán hàng	25	40	561.711.536.516	650.202.902.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	980.626.161.554	921.228.563.427
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>575.523.857.911</b>	<b>245.459.345.670</b>
Thu nhập khác	31	42	215.996.634.857	364.874.876.900
Chi phí khác	32	43	164.259.156.415	80.037.610.363
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>51.737.478.442</b>	<b>284.837.266.537</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>627.261.336.353</b>	<b>530.296.612.207</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>45</b>	<b>64.756.757.475</b>	<b>47.537.657.513</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>45</b>	<b>30.545.170.555</b>	<b>18.174.662.379</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>531.959.408.323</b>	<b>464.584.292.315</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>531.959.408.323</b>	<b>464.584.292.315</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		382.184.634.187	311.789.915.820
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		149.774.774.136	152.794.376.495
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	46	764	(*)

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do giai đoạn đó thuộc về Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>627.261.336.353</b>	<b>530.296.612.207</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		585.663.173.305	477.560.905.056
Các khoản dự phòng	03		142.437.387.116	78.118.829.762
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		56.008.761.043	8.872.646.069
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(725.593.824.363)	(546.024.913.649)
Chi phí lãi vay	06		354.284.173.973	275.969.528.569
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ do hợp nhất các công ty con mới trong năm	07		-	(64.078.039.811)
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	07		(11.516.222.447)	(50.515.081.265)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.028.544.784.980</b>	<b>710.200.486.938</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(652.187.055.984)	710.875.546.068
Biến động hàng tồn kho	10		(204.208.392.096)	(170.335.490.484)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		502.878.008.791	(599.167.261.895)
Biến động chi phí trả trước	12		(85.430.154.028)	21.248.599.806
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		22.102.232.451	-
			<b>611.699.424.114</b>	<b>672.821.880.433</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(351.551.603.421)	(239.129.544.003)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.637.314.396)	(58.479.739.137)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		521.621.957.265	2.551.814.332.013
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(474.794.857.961)	(1.858.528.190.464)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>246.337.605.601</b>	<b>1.068.498.738.842</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.173.129.146.245)	(1.136.237.317.345)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		141.880.259.148	26.759.938.781
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(489.739.179.478)	(257.324.185.025)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		320.808.174.789	140.731.980.409
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(76.330.416.254)	(21.870.763.185)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		114.742.940.194	166.126.562.844
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		456.581.778.927	308.278.624.808
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		7	277.032.580.846	40.911.050.822
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.428.153.008.073)</b>	<b>(732.624.107.891)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		40.021.764.691	56.944.838.706
Tiền thu từ đi vay	33		15.331.394.255.786	9.158.992.880.794
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.153.985.841.920)	(8.174.318.575.736)
Tiền trả cổ tức	36		(107.901.358.326)	(20.493.207.818)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	36		-	(111.522.692.784)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.109.528.820.231</b>	<b>909.603.243.162</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(72.286.582.241</b>	<b>1.245.477.874.113</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.544.719.495.49</b>	<b>1.299.241.621.383</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>2.472.432.913.25</b>	<b>2.544.719.495.496</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao với các hoạt động chính như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, đay tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, các công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc sau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của công ty nhà nước trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của công ty cổ phần và được trình bày trong cột số đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, cột kỳ này trình bày số liệu kế từ thời điểm chuyển đổi ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên, ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo quy định của Thông tư 200, cột kỳ trước trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu trùng với ngày đầu kỳ của kỳ kế toán đầu tiên, để đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh và nhất quán, số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan là số liệu của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 55 công ty con và 37 công ty liên kết (1/1/2015: 59 công ty con và 40 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	16	Xem phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	39	Xem phụ lục 2
	<hr/> 55	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	36	Xem phụ lục 3
Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất do không trọng yếu.	1	Xem phụ lục 4
	<hr/> 92	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 36.674 nhân viên (1/1/2015: 35.868 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh số 4(a));
- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b)); và
- Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4(n)).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

#### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết này.

#### **(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn hiện sở hữu;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

#### **(h) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 4(m)(vii)) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác           | 4 – 10 năm |

#### **(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(h).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**(k) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và có thời hạn không xác định, được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

#### **(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

#### **(m) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

##### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

##### **(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

##### **(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

**(vi) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Sự thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

#### **(q) Trái phiếu phát hành**

##### ***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

#### **(r) Vốn cổ phần**

##### ***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

#### **(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(t) Doanh thu và thu nhập khác**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

##### **(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

##### **(iv) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

##### **(v) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

##### **(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

##### **(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(v) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

#### **(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **5. Số liệu so sánh**

### **(a) Định giá lại các khoản đầu tư tài chính**

Trong năm, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), trong đó, Bộ Tài chính hướng dẫn Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị các khoản đầu tư nói trên, cụ thể như sau:

- tổng phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư được ghi tăng các khoản phải trả dài hạn khác do căn cứ vào Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 trong trường hợp các khoản đầu tư này chưa được chuyển nhượng; và
- phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo quy định của Thông tư 202.

### **(b) Các vấn đề khác**

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế để cổ phần hóa đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng điều chỉnh lại một số số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Thêm vào đó, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh và phân loại lại nói trên được tổng hợp dưới đây:

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	<b>1/1/2015</b> <b>Theo báo cáo</b> <b>trước đây</b> <b>VND</b>	<b>Định giá lại các khoản</b> <b>đầu tư tài chính</b> <b>VND</b>	<b>Các điều chỉnh</b> <b>khác</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Đã</b> <b>điều chỉnh lại</b> <b>VND</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	587.022.721.287	-	(587.022.721.287)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	31.668.726.240	31.668.726.240
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	-	419.397.166.717	419.397.166.717
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	349.825.813.560	349.825.813.560
Phải thu ngắn hạn khác	763.853.027.960	-	(125.046.178.177)	638.806.849.783
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	230.945.472.305	-	(69.983.122)	230.875.489.183
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30.648.915.861	-	(307.529.744)	30.341.386.117
Tài sản ngắn hạn khác	100.177.900.853	-	(87.541.091.924)	12.636.808.929
Phải thu dài hạn khác	591.000.000	-	503.975.658.594	504.566.658.594
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.445.859.591.447	-	(1.929.038.857)	1.443.930.552.590
Đầu tư dài hạn khác	976.817.027.449	(7.996.284.920)	(508.895.022.594)	459.925.719.935
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(51.585.210.515)	11.488.460.489	-	(40.096.750.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	-	4.919.364.000	4.919.364.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	97.169.983.153	-	(4.048.499)	97.165.934.654
Chi phí phải trả ngắn hạn	211.504.636.856	-	(28.460.160.000)	183.044.476.856
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	9.495.875.465	9.495.875.465
Phải trả ngắn hạn khác	1.017.599.148.343	-	(3.998.235.737)	1.013.600.912.606
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	129.900.455.110	-	(510.000.000)	129.390.455.110
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	28.460.160.000	28.460.160.000
Phải trả dài hạn khác	85.861.992.751	422.123.160.961	(995.341.166)	506.989.812.546
Vốn khác của chủ sở hữu	386.138.029.836	-	384.096.163.209	770.234.193.045
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(425.364.156)	(418.630.985.392)	(384.096.163.209)	(803.152.512.757)
Quỹ đầu tư phát triển	308.448.738.185	-	80.071.211.315	388.519.949.500
Quỹ dự phòng tài chính	80.071.211.315	-	(80.071.211.315)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	212.848.004.910	-	(5.013.086.657)	207.834.918.253



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **6. Báo cáo bộ phận**

### **Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Kinh doanh tài chính: hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh tài chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.692.392.067.397	10.937.622.515.743	2.471.890.511.917	2.082.463.021.990	-	23.148.181.222	995.870.647.255	417.289.355.916	(46.004.822.523)	-	15.114.148.404.046	13.460.523.074.871
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.858.899.299.301	2.211.216.097.541	160.360.785.122	259.030.703.005	-	20.213.136.403	96.045.669.634	104.626.099.776	(3.115.305.754.057)	(2.595.086.036.725)	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>14.551.291.366.698</b>	<b>13.148.838.613.284</b>	<b>2.632.251.297.039</b>	<b>2.341.493.724.995</b>	<b>-</b>	<b>43.361.317.625</b>	<b>1.091.916.316.889</b>	<b>521.915.455.692</b>	<b>(3.161.310.576.580)</b>	<b>(2.595.086.036.725)</b>	<b>15.114.148.404.046</b>	<b>13.460.523.074.871</b>
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	498.259.938.877	378.428.504.000
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>629.846.344.008</b>	<b>420.968.242.369</b>	<b>(50.520.560.239)</b>	<b>(185.105.904.471)</b>	<b>-</b>	<b>24.504.458.379</b>	<b>(27.399.860.519)</b>	<b>303.940.153</b>	<b>23.597.934.661</b>	<b>(15.211.390.760)</b>	<b>575.523.857.911</b>	<b>245.459.345.670</b>
Thu nhập khác	169.565.035.771	260.171.503.175	4.433.849.031	11.871.950.265	-	3.739.925.127	159.408.527.939	3.876.793.026	(117.410.777.884)	85.214.705.307	215.996.634.857	364.874.876.900
Chi phí khác	(118.432.368.366)	(147.923.232.959)	(2.095.833.527)	(3.664.522.510)	-	(430.077.942)	(106.575.852.180)	(1.481.532.931)	62.844.897.658	73.461.755.979	(164.259.156.415)	(80.037.610.363)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(58.536.307.603)	(36.831.599.623)	(1.354.900.157)	(1.756.110.347)	-	(6.156.546.233)	(4.865.549.715)	(2.793.401.310)	-	-	(64.756.757.475)	(47.537.657.513)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.838.679.008	(2.639.140.096)	-	-	-	-	-	20.740.995	(32.383.849.563)	(15.556.263.278)	(30.545.170.555)	(18.174.662.379)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>	<b>624.281.382.818</b>	<b>493.745.772.866</b>	<b>(49.537.444.892)</b>	<b>(178.654.587.063)</b>	<b>-</b>	<b>21.657.759.331</b>	<b>20.567.265.525</b>	<b>(73.460.067)</b>	<b>(63.351.795.128)</b>	<b>127.908.807.248</b>	<b>531.959.408.323</b>	<b>464.584.292.315</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh tài chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận	17.832.356.096.959	17.127.366.937.434	1.012.826.749.528	1.457.262.950.202	-	687.056.001.367	2.403.807.055.671	1.926.548.200.765	(4.087.167.336.319)	(4.861.250.768.951)	17.161.822.565.839	16.336.983.320.817
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.544.370.146.634	1.383.471.237.739	28.089.720.000	412.560.000	-	-	307.875.000	88.700.000.000	75.913.292.817	(28.653.245.149)	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.376.726.243.593</b>	<b>18.510.838.175.173</b>	<b>1.040.916.469.528</b>	<b>1.457.675.510.202</b>	<b>-</b>	<b>687.056.001.367</b>	<b>2.404.114.930.671</b>	<b>2.015.248.200.765</b>	<b>(4.011.254.043.502)</b>	<b>(4.889.904.014.100)</b>	<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.022.097.667.559</b>	<b>10.554.198.738.766</b>	<b>1.284.815.706.866</b>	<b>1.277.543.567.275</b>	<b>-</b>	<b>97.322.353.715</b>	<b>1.796.090.116.611</b>	<b>1.382.699.504.151</b>	<b>(1.625.411.212.994)</b>	<b>(2.063.411.689.205)</b>	<b>11.477.592.278.042</b>	<b>11.248.352.474.702</b>
	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi tiêu vốn	1.963.396.768.724	1.101.084.038.151	53.029.326.518	32.848.063.014	-	-	217.198.106.640	97.122.720.300	(66.065.644.982)	(72.154.122.671)	2.167.558.556.900	1.158.900.698.794
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	511.728.723.005	426.495.175.498	12.195.463.001	22.907.792.947	-	763.082.448	37.998.513.672	32.301.971.464	(9.870.426.093)	(19.437.394.888)	552.052.273.585	463.030.627.469
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	7.890.852.739	5.467.333.379	-	-	-	-	-	-	-	-	7.890.852.739	5.467.333.379
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.505.197.434	1.175.254.728	75.242.562	228.243.345	-	194.619.436	2.350.100.396	2.342.379.940	(2.283.218.434)	-	3.647.321.958	3.940.497.449
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.055.630.448	884.685.199	127.523.401	989.725	-	-	1.861.383.465	771.078.922	-	-	3.044.537.314	1.656.753.846

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **7. Hợp nhất kinh doanh**

### **(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con**

Căn cứ vào Công văn số 108/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2014 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2645/BCT-CNN ngày 3 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 15/NQ-TĐDMVN ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án thoái vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May.

Căn cứ vào Công văn số 580/VPCP-ĐMDN ngày 23 tháng 1 năm 2015 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2530/BCT-TC ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 06/NQ-TĐDMVN ngày 7 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Tập đoàn tại Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam.

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam (“Vinatex ITC”) đã sáp nhập với một đơn vị khác để tăng vốn cổ phần đăng ký, qua đó tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại Vinatex ITC giảm từ 53,89% xuống còn 48,80%. Vinatex ITC trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Đồng thời, Tập đoàn cũng mất quyền kiểm soát với 3 công ty con cấp 2 khác, là các công ty con của Vinatex ITC (xem Phụ lục 5).

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giá trị ghi sổ  
tại thời điểm  
mất quyền kiểm soát  
VND**

Tiền và các khoản tương đương tiền	155.080.603.475
Đầu tư tài chính ngắn hạn	146.108.596.506
Các khoản phải thu ngắn hạn	837.402.459.072
Hàng tồn kho	253.699.725.435
Tài sản ngắn hạn khác	26.348.775.773
Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000
Tài sản cố định	240.197.690.707
Bất động sản đầu tư	16.045.142.952
Tài sản dở dang dài hạn	127.727.285.278
Đầu tư tài chính dài hạn	222.766.414.042
Tài sản dài hạn khác	174.441.173.430
Nợ ngắn hạn	(766.222.524.831)
Nợ dài hạn	(302.762.166.027)
<hr/>	
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	1.130.836.175.812
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát	(384.971.084.612)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của các công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày mất quyền kiểm soát	(76.894.786.080)
<hr/>	
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn trước khi mất quyền kiểm soát	668.970.305.120
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ tại ngày mất quyền kiểm soát	3.386.651.399
Khoản chênh lệch tăng khi xác định lại giá trị khoản đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào công ty con cho mục đích cổ phần hóa	54.386.931.715
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát tại công ty con	17.090.303.083
<hr/>	
Giá thanh lý	743.834.191.317
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá phí khoản đầu tư của các công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày mất quyền kiểm soát	(25.119.436.523)
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn sau khi mất quyền kiểm soát	(113.348.901.096)
Khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại công ty con	(219.208.552.560)
<hr/>	
Tiền thu được từ thoái vốn	386.157.301.138
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(155.080.603.475)
<hr/>	
Khoản tiền thuần thu được do mất quyền kiểm soát tại công ty con	231.076.697.663
<hr/>	

Lãi hoặc lỗ phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính tương ứng trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh 38 và 39).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Hợp nhất công ty con mới trong năm**

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã mua thêm 134.712 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (“Hanosimex - HĐT”), một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, với giá mua là 6.736 triệu VND, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 42,87% lên 53,23%. Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn. Đồng thời, Tập đoàn cũng nắm quyền kiểm soát với Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam, một công ty con của Hanosimex - HĐT.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát với các công ty con nêu trên như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày nắm quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.691.483.183
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.702.807.438
Hàng tồn kho	19.924.141.249
Tài sản ngắn hạn khác	33.549.317.552
Tài sản cố định	110.170.016.097
Đầu tư tài chính dài hạn	12.307.875.000
Tài sản dài hạn khác	22.474.506.551
Nợ ngắn hạn	(69.245.611.442)
Nợ dài hạn	(90.097.163.128)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	103.477.372.500
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát	31.713.983.055
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Hanosimex - HĐT tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty này	(38.985.406.946)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Hanosimex - HĐT tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát	5.532.053.208
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị khoản đầu tư của Hanosimex - HĐT vào Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát	(3.677.787.592)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 22)	12.152.758.275
	<hr/>
Giá mua phần sở hữu tăng thêm tại Hanosimex - HĐT	6.735.600.000
Khoản tiền thu được	(52.691.483.183)
	<hr/>
Khoản tiền thu được thuần	(45.955.883.183)
	<hr/> <hr/>

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (c) Giao dịch hợp nhất kinh doanh khác

Trong năm, một cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức (“Công ty PPDT”), một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, đã thoái toàn bộ vốn. Công ty PPDT đã điều chỉnh lại vốn cổ phần theo số vốn góp của các cổ đông còn lại, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 50,00% lên 57,47%, thông qua quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và Vinatex ITC. Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức trở thành công ty con của Tập đoàn. Sau đó, do Tập đoàn mất quyền kiểm soát tại Vinatex ITC, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại PPDT giảm xuống còn 40,00%. PPDT đã trở thành một công ty liên kết của Tập đoàn theo đó. Do các giao dịch của PPDT trong giai đoạn Tập đoàn nắm quyền kiểm soát với công ty này không trọng yếu, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hợp nhất các số liệu có liên quan của PPDT cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	11.013.721.700	22.005.932.394
Tiền gửi ngân hàng	579.320.249.799	437.458.453.162
Các khoản tương đương tiền	1.882.098.941.756	2.085.255.109.940
	<hr/>	<hr/>
	2.472.432.913.255	2.544.719.495.496

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm 161 tỷ VND (1/1/2015: 232 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			1/1/2015				
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>								
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	-	-	-	-	503.300	10.245.333.720		(2.383.093.720)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang (i)	-	-	-	-	1.000.000	10.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (i)	-	-	-	-	321.440	10.131.535.520		-
Các cổ phiếu khác		60.000.000				1.291.857.000		-
		<hr/>				<hr/>		<hr/>
		60.000.000	(*)	-		31.668.726.240	(*)	(2.383.093.720)
		<hr/>				<hr/>		<hr/>

(i) Tập đoàn đã bán toàn bộ các khoản đầu tư này trong năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	301.060.832.500	301.060.832.500	419.397.166.717	419.397.166.717
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000		2.000.000.000	
▪ Trái phiếu	-		2.919.364.000	
	5.000.000	(*)	4.919.364.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 8,0% (2014: từ 5,0% đến 8,0%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015				1/1/2015			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							<b>Đã điều chỉnh lại</b>	
▪ Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	71.045.689.154		35,51%	35,51%	62.753.824.310	
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	47,88%	47,88%	476.973.216.273		47,88%	47,88%	306.063.878.852	
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	250.654.985.697		46,93%	46,93%	223.707.752.253	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	43.244.547.421		27,00%	27,00%	34.880.678.417	
▪ Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	89.435.414.291		27,69%	27,69%	86.300.037.825	
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	52.354.760.191		36,79%	36,79%	38.239.219.272	
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	80.385.635.337		36,28%	36,28%	71.321.740.126	
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viên thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.854.704.421		30,00%	30,00%	85.346.535.875	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	12,75%	25,00%	28.878.436.808		12,75%	25,00%	28.911.696.032	
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	20,40%	40,00%	38.262.311.562		20,40%	40,00%	34.026.565.216	
▪ Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức			-		12,32%	29,45%	60.061.243.893	
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	151.764.323.142		18,18%	35,65%	74.501.674.130	
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			279.827.010.154				337.815.706.389	
			<b>1.648.681.034.451</b>	<b>(*)</b>			<b>1.443.930.552.590</b>	<b>(*)</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015					1/1/2015				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (**)	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950	3,65%	3,65%	74.767.938.000	-	74.767.938.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-	(*)	0,02%	0,02%	2.530.498.318	-	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	(*)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	(*)
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	8,59%	8,59%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	1,65%	2,00%	40.231.395.003	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thông Đức	-	-	-	-	(*)	12,16%	12,16%	49.600.000.000	(21.199.889.210)	(*)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			202.693.027.297	(14.357.460.486)	(*)			218.700.318.294	(18.896.860.816)	(*)
			371.556.535.617	(26.782.132.536)				459.925.719.935	(40.096.750.026)	

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 131 tỷ VND (1/1/2015: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	1.443.930.552.590	1.434.541.710.408
Tăng trong năm	40.563.463.012	1.969.504.425
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	307.875.000	450.706.222.695
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	498.259.938.877	378.428.504.000
Cổ tức được chia	(290.785.546.816)	(274.994.820.682)
Thanh lý các công ty liên kết	(19.935.420.802)	(2.825.744.135)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty liên kết này	(38.985.406.946)	(588.290.491.064)
Tăng do sáp nhập một công ty liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	61.496.489.299
Tăng do một công ty con chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 7(a))	113.348.901.096	-
Giảm do mất quyền kiểm soát các công ty con cấp 1	(106.064.726.300)	-
Khác	8.041.404.740	(17.100.822.356)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (*)	209.139.075.780	227.644.067.099
Phải thu các khách hàng khác	2.029.084.395.330	2.002.573.446.451
	<hr/>	<hr/>
	2.238.223.471.110	2.230.217.513.550
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 287 tỷ VND (1/1/2015: 320 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	477.511.086	62.175.160.856
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	67.594.248.784	67.946.666.235
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.512.228.353	60.251.895.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	57.514.995.089	20.424.674.713
Các công ty liên quan khác	8.040.092.468	16.845.669.973
	<hr/>	<hr/>
	209.139.075.780	227.644.067.099
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**11. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	106.300.000.000	111.127.094.862
▪ Các công ty liên quan khác	20.000.000.000	2.446.998.902
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty khác</b>		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	68.888.460.000	-
▪ Các công ty khác	6.690.708.302	236.251.719.796
	<hr/>	<hr/>
	201.879.168.302	349.825.813.560
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10,5% (2014: từ 0% đến 10,5%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu về cổ phần hóa	6.214.145.701	6.490.327.215
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	303.008.898.091	300.866.750.248
Phải thu lãi cho vay	57.878.261.322	36.199.286.761
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	9.146.683.835	381.992.957
Phải thu các khoản tạm ứng	18.588.317.187	32.040.343.843
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	17.379.259.439	12.886.965.561
Phải thu người lao động	1.354.500.000	2.526.930.162
Ký cược, ký quỹ	97.234.000.000	71.720.641.321
Các khoản chi hộ	15.618.412.969	7.574.710.448
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	57.500.000.000	57.500.000.000
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiền chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	16.145.000.000	16.145.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu công nghiệp Dệt Ma Phố Nội B	6.894.350.323	2.475.685.417
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	41.170.983.708	5.188.261.680
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	2.919.583.333	-
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty Cổ phần Sợi Đông Phú	-	6.980.239.000
Phải thu tiền san lấp mặt bằng từ UBND Huyện Thăng Bình – Tỉnh Quảng Nam	-	2.377.507.018
Phải thu về hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	24.750.378.756
Phải thu khác	59.018.848.188	29.159.278.306
	<b>733.613.795.186</b>	<b>638.806.849.783</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	450.847.335.508	503.975.658.594
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương (tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam)	119.322.594.796	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	7.324.227.712	-
Phải thu dài hạn khác	1.121.765.924	591.000.000
	<hr/> <hr/> 578.615.923.940	<hr/> <hr/> 504.566.658.594

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Dự án HUD Sơn Trà	69.655.996.716	110.196.192.000
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	92.607.870.584	92.607.870.584
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	23.871.850.408
Dự án Trung tâm Thương mại Phước Long B	-	13.819.050.602
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	<hr/> <hr/> 450.847.335.508	<hr/> <hr/> 503.975.658.594

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	37.543.029.312	(23.914.493.474)	13.628.535.838
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 2 năm	31.696.652.337	(15.748.326.169)	15.948.326.168
Khác		264.024.984.209	(175.651.143.267)	88.373.840.942
		443.894.419.625	(325.943.716.677)	117.950.702.948

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó  
đòi – ngắn hạn (325.943.716.677)

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	1/1/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 2 năm	110.629.753.767	(24.609.799.777)	86.019.953.990
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 2 năm	39.802.978.139	(19.901.489.069)	19.901.489.070
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 1 năm	31.996.651.337	(9.598.995.401)	22.397.655.936
Khác		275.989.208.850	(139.785.335.766)	136.203.873.084
		458.418.592.093	(193.895.620.013)	264.522.972.080

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó  
đòi – ngắn hạn (193.895.620.013)

**13. Nợ xấu và nợ khó đòi**



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Hàng mua đang đi trên đường	114.315.560.771	(647.394.977)	151.195.036.380	(2.163.722.151)	
Nguyên vật liệu	910.446.852.856	(11.130.054.296)	750.868.259.111	(30.397.044.007)	
Công cụ và dụng cụ	15.836.396.805	-	18.624.499.569	-	
Sản phẩm dở dang	824.033.985.889	(1.233.146.756)	905.265.195.457	(671.994.222)	
Thành phẩm	848.040.130.993	(27.161.964.642)	702.810.828.987	(20.823.615.135)	
Hàng hóa	87.229.695.764	(486.095.980)	320.989.820.075	(48.919.859)	
Hàng gửi đi bán	74.134.167.706	-	53.488.944.197	-	
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	
	2.874.036.790.784	(40.658.656.651)	2.903.242.583.776	(54.105.295.374)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 895 tỷ VND (1/1/2015: 1.593 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 106 tỷ VND nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 239 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.607.449.534.300	6.086.500.518.467	237.568.834.435	71.288.083.296	79.190.874.930	9.081.997.845.428
Tăng trong năm	28.361.363.485	232.045.733.116	41.575.378.388	3.851.251.902	10.356.954.821	316.190.681.712
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	211.184.413.769	356.527.581.215	9.767.135.886	32.429.500	21.593.855.693	599.105.416.063
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	65.819.915.443	102.425.588.416	2.670.462.000	200.894.090	-	171.116.859.949
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	-	3.160.342.989	-	-	1.555.307.878	4.715.650.867
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(45.947.749.996)	-	-	-	-	(45.947.749.996)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(4.529.195.782)	-	-	-	(4.529.195.782)
Thanh lý	(34.459.132.057)	(231.544.177.635)	(7.644.622.265)	(407.721.473)	(747.555.580)	(274.803.209.010)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(146.639.329.284)	(145.650.139.992)	(16.105.725.424)	(9.700.779.770)	(23.636.364)	(318.119.610.834)
Phân loại lại	(6.867.693.191)	(2.886.341.358)	(1.297.102.256)	550.022.709	10.501.114.096	-
Biến động khác	-	(4.640.844.307)	-	-	(109.034.545)	(4.749.878.852)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.678.901.322.469</b>	<b>6.391.409.065.129</b>	<b>266.534.360.764</b>	<b>65.814.180.254</b>	<b>122.317.880.929</b>	<b>9.524.976.809.545</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	857.276.796.465	3.571.369.641.779	134.847.105.407	37.505.622.095	33.302.272.497	4.634.301.438.243
Khấu hao trong năm	113.337.821.032	396.542.498.944	24.009.064.204	6.777.605.838	11.385.283.567	552.052.273.585
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	868.568.906	58.592.806.907	1.431.420.508	54.047.531	-	60.946.843.852
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(4.528.511.206)	-	-	-	(4.528.511.206)
Thanh lý	(28.679.717.203)	(113.408.711.104)	(5.880.050.937)	(392.316.303)	(642.628.390)	(149.003.423.937)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(30.616.551.478)	(68.470.154.253)	(9.878.070.049)	(4.052.203.154)	(23.636.364)	(113.040.615.298)
Phân loại lại	(5.682.668.625)	(2.652.829.380)	-	(28.180)	8.335.526.185	-
Biến động khác	-	(3.029.075.113)	-	-	(14.537.936)	(3.043.613.049)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>906.504.249.097</b>	<b>3.834.415.666.574</b>	<b>144.529.469.133</b>	<b>39.892.727.827</b>	<b>52.342.279.559</b>	<b>4.977.684.392.190</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.750.172.737.835	2.515.130.876.688	102.721.729.028	33.782.461.201	45.888.602.433	4.447.696.407.185
Số dư cuối năm	1.772.397.073.372	2.556.993.398.555	122.004.891.631	25.921.452.427	69.975.601.370	4.547.292.417.355

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.675 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.235 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9 tỷ VND (1/1/2015: 6 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.733 tỷ VND (1/1/2015: 2.696 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	57.831.747.820
Tăng trong năm	20.037.403.056
	<hr/>
Số dư cuối năm	77.869.150.876
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.892.691.378
Khấu hao trong năm	7.890.852.739
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.783.544.117
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	50.939.056.442
Số dư cuối năm	63.085.606.759
	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	163.669.005.122	8.856.843.431	657.415.000	173.183.263.553
Tăng trong năm	-	3.789.704.084	-	3.789.704.084
Thanh lý	(502.139.500)	-	-	(502.139.500)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	221.250.000	-	221.250.000
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(36.028.096.714)	(991.815.000)	-	(37.019.911.714)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	42.000.000	-	42.000.000
Số dư cuối năm	127.138.768.908	11.917.982.515	657.415.000	139.714.166.423
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	14.808.110.881	6.698.599.402	577.979.074	22.084.689.357
Khấu hao trong năm	2.443.918.327	1.189.776.371	13.627.260	3.647.321.958
Thanh lý	(48.922.613)	-	-	(48.922.613)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(972.456.856)	(928.759.687)	-	(1.901.216.543)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	42.000.000	-	42.000.000
Số dư cuối năm	16.230.649.739	7.001.616.086	591.606.334	23.823.872.159
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	148.860.894.241	2.158.244.029	79.435.926	151.098.574.196
Số dư cuối năm	110.908.119.169	4.916.366.429	65.808.666	115.890.294.264

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 3 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	137.122.569.411	34.562.324.419
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	-	15.084.180.000
	137.122.569.411	49.646.504.419

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa</b>	<b>Vật kiến trúc</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	35.785.233.723	21.158.444.620	56.943.678.343
Tăng trong năm	14.769.330.532	45.848.664.730	60.617.995.262
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	45.947.749.996	-	45.947.749.996
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(1.478.404.545)	-	(1.478.404.545)
	95.023.909.706	67.007.109.350	162.031.019.056
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	15.312.991.410	7.068.362.514	22.381.353.924
Khấu hao trong năm	1.404.914.533	1.639.622.781	3.044.537.314
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(517.441.593)	-	(517.441.593)
	16.200.464.350	8.707.985.295	24.908.449.645
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	20.472.242.313	14.090.082.106	34.562.324.419
Số dư cuối năm	78.823.445.356	58.299.124.055	137.122.569.411

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho và nhà xưởng tại Ấp Tân Thái, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 55 tỷ VND (1/1/2015: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

#### (b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam trên khu đất Hòa Khánh Tây, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Trong năm 2015, Tập đoàn đã mất quyền kiểm soát Công ty này (Thuyết minh 7(a)).

## 19. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	576.625.489.809	538.131.179.498
Tăng trong năm	1.788.666.441.645	586.922.430.783
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(599.105.416.063)	(582.582.364.384)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(221.250.000)	-
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(45.074.818.401)	13.715.191.498
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	23.981.177.226
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(127.727.285.278)	-
Thanh lý	(4.873.854.846)	(3.542.124.812)
Số dư cuối năm	1.588.289.306.866	576.625.489.809

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
▪ Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	168.030.012.763	31.400.081.832
• Nhà máy Sợi Phú Cường	316.442.844.422	939.957.414
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	262.300.252.185	14.741.438.311
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	97.912.389.378	4.248.640.271
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Kéo sợi Hưng Yên	186.568.117.361	925.413.692
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	14.861.730.952	12.507.700.130
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối – Giai đoạn 2	261.453.868.980	310.532.092.545
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	18.491.972.353	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.535.279.829	27.800.925.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	54.640.730.355	50.325.869.201
• Nhà máy Xử lý nước thải	18.079.166.479	17.929.766.685
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.325.569.336	18.329.264.068
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	51.980.925.381	51.753.304.415
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy sản xuất vải dệt kim	80.745.818.139	-
Các công trình khác	10.920.628.953	35.191.035.416
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
	1.588.289.306.866	576.625.489.809

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 300 tỷ VND (1/1/2015: 318 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 25 tỷ VND (2014: 19 tỷ VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	2.285.000.733	2.325.427.193
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.756.786.160	9.432.606.442
Công cụ dụng cụ	3.468.970.229	7.509.239.169
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.483.473.486	1.881.326.144
	<hr/>	<hr/>
	22.994.230.608	21.148.598.948
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí trước hoạt động VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND</b>	<b>Công cụ, dụng cụ VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh VND</b>	<b>Phụ tùng thay thế VND</b>	<b>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	13.821.571.689	189.475.452.708	38.458.054.111	88.094.410.655	5.872.894.239	6.988.598.779	75.013.220.371	44.015.237.383	461.739.439.935
Tăng trong năm	-	5.570.589.345	51.847.363.035	96.595.533.458	-	8.888.827.472	8.230.058.726	27.933.591.725	199.065.963.761
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	43.993.353.522	-	-	-	1.081.464.879	45.074.818.401
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	22.391.120.572	-	-	-	-	-	83.385.979	22.474.506.551
Thanh lý	-	-	-	(794.045.364)	-	-	-	-	(794.045.364)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(4.978.654.735)	(31.669.590.176)	(19.768.385.076)	-	-	(61.484.526.318)	(21.632.508.818)	(139.533.665.123)
Phân bổ trong năm	(4.176.066.995)	(11.636.035.936)	(18.413.791.521)	(58.453.438.015)	(1.957.631.414)	(4.769.362.842)	(4.238.765.368)	(25.903.074.540)	(129.548.166.631)
Phân loại lại	-	-	-	91.527.360	-	(257.555.731)	(56.761.108)	222.789.479	-
Biến động khác	-	-	-	296.907.161	-	-	-	2.433.824.195	2.730.731.356
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.645.504.694	200.822.471.954	40.222.035.449	150.055.863.701	3.915.262.825	10.850.507.678	17.463.226.303	28.234.710.282	461.209.582.886
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản chi phí trả trước dài hạn nào được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2015: 97 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20% - 22%	8.941.954.844	6.686.339.435
Các khoản mục khác	20% - 22%	3.876.703.689	16.921.016.052
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		12.818.658.533	23.607.355.487
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20% - 22%	23.864.518.959	26.250.970.855
Các khoản mục khác	20% - 22%	22.142.925.497	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		46.007.444.456	26.250.970.855

**22. Lợi thế thương mại****VND****Giá gốc**

Số dư đầu năm	45.032.112.563
Tăng trong năm (Thuyết minh 7)	12.152.758.275
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con (Thuyết minh 7)	(3.870.458.742)

Số dư cuối năm	53.314.412.096
----------------	----------------

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	15.107.325.825
Khấu hao trong năm	5.434.520.359
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con (Thuyết minh 7)	(483.807.343)

Số dư cuối năm	20.058.038.841
----------------	----------------

**Giá trị ghi sổ**

Số dư đầu năm	29.924.786.738
Số dư cuối năm	33.256.373.255

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Phải trả người bán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
▪ Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	105.936.935.422	61.426.464.203
▪ Phải trả người bán khác	1.097.554.622.574	1.270.036.565.630
	1.203.491.557.996	1.331.463.029.833
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
▪ Phải trả người bán khác	21.780.241.292	28.388.184.613

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các bên liên quan như sau:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.671.551.336	25.850.541.487
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	38.191.685.755	-
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	7.100.882.915	4.211.369.697
Tổng Công Ty May Nhà Bè – CTCP	24.236.373.310	20.036.891.243
Tổng Công ty May 10 - CTCP	2.823.799.815	-
Các công ty liên quan khác	5.912.642.291	11.327.661.776
	105.936.935.422	61.426.464.203

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>	<b>Số phải thu trong năm VND</b>	<b>Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND</b>	<b>Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.580.594.781	-	(2.763.304.689)	(3.870.841.580)	4.946.448.512
Thuế xuất nhập khẩu	6.712.754.084	27.522.406.275	(27.359.184.901)	(721.640.476)	6.154.334.982
Thuế nhà đất	-	306.216.500	(306.216.500)	-	-
Các loại thuế khác	4.470.217.234	24.954.232.199	(27.815.252.844)	-	1.609.196.589
<b>Các khoản khác phải thu Nhà nước</b>					
Các khoản khác	7.577.820.018	1.032.222.393	(2.516.842.315)	(4.423.545.202)	1.669.654.894
	<b>30.341.386.117</b>	<b>53.815.077.367</b>	<b>(60.760.801.249)</b>	<b>(9.016.027.258)</b>	<b>14.379.634.977</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>	<b>Số phải nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp/bù trừ trong năm VND</b>	<b>Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND</b>	<b>31/12/2015 VND</b>
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	29.467.134.946	261.364.658.583	(265.949.727.939)	(2.198.069.039)	22.683.996.551
Thuế xuất nhập khẩu	2.146.199.898	25.340.652.757	(24.316.712.781)	-	3.170.139.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.053.478.020	64.756.757.475	(63.400.619.085)	(342.934.415)	17.066.681.995
Thuế thu nhập cá nhân	4.244.343.732	34.876.357.868	(28.729.147.432)	(388.802.973)	10.002.751.195
Thuế tài nguyên	84.286.602	517.912.459	(537.963.525)	-	64.235.536
Thuế nhà đất	14.563.350.000	36.107.162.408	(27.310.298.389)	-	23.360.214.019
Tiền thuê đất	29.378.724.776	45.593.079.577	(53.680.732.747)	-	21.291.071.606
Các loại thuế khác	1.052.148.565	8.789.311.344	(5.674.223.619)	-	4.167.236.290
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Các khoản khác	176.268.115	94.353.875	(108.799.349)	-	161.822.641
	<b>97.165.934.654</b>	<b>477.440.246.346</b>	<b>(469.708.224.866)</b>	<b>(2.929.806.427)</b>	<b>101.968.149.707</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Chi phí phải trả ngắn hạn**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí lãi vay	15.634.571.661	19.878.738.115
Phí dịch vụ chuyên môn, tư vấn	1.243.454.545	2.513.000.000
Chi phí hoạt động	19.544.661.980	3.805.999.037
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	95.395.115.431	96.105.530.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	18.274.379.066	10.016.189.382
Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.709.968.145	8.836.362.023
Chi phí gia công thuê ngoài	1.151.606.813	1.772.887.460
Chi phí giải phóng mặt bằng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phí hoa hồng	3.456.281.760	4.217.489.709
Chi phí giám sát	-	4.334.580.555
Chi phí phải trả khác	14.531.105.431	27.615.028.144
	<hr/>	<hr/>
	187.941.144.832	182.095.804.856
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	188.889.816.832	183.044.476.856

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	28.460.160.000	29.408.832.000
Chi phí phải trả khác	1.282.923.822	-
	<hr/>	<hr/>
	29.743.083.822	29.408.832.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	28.794.411.822	28.460.160.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu chưa thực hiện**

**(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.833.858.515	9.495.875.465

**(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Doanh thu nhận trước	117.549.854.235	83.948.839.495
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.833.858.515)	(9.495.875.465)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	110.715.995.720	74.452.964.030

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	23.019.880.593	28.668.576.864
Phải trả về cổ phần hóa	5.762.899.011	5.582.352.371
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	363.875.746	6.418.762.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	17.627.731.759	15.794.844.331
Phải trả lãi vay khác	27.011.838.070	21.867.988.492
Phải trả cổ tức	27.619.916.234	33.020.482.908
Quỹ từ thiện	3.551.073.470	3.716.601.527
Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	356.716.713.904
Lợi nhuận năm 2014 phải nộp Nhà nước	-	159.250.645.027
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	68.455.091.012	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.672.021.554	-
Phải trả nhà nước tiền quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex	-	9.165.589.394
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	14.984.617.189	11.344.842.177
Nhận đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	-	219.208.552.560
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	54.477.154.476	-
Các khoản phải trả khác	67.137.233.311	74.389.869.293
	<hr/>	<hr/>
	314.683.332.425	1.013.600.912.606
Phần phải trả dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	369.532.259.133	-
	<hr/>	<hr/>
	684.215.591.558	1.013.600.912.606
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	369.532.259.133	422.123.160.961
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	45.000.000.000	46.000.000.000
Nhận góp vốn dài hạn	9.776.000.000	27.832.366.273
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	8.368.302.268
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	663.098.840	2.665.983.044
	<hr/>	
	424.971.357.973	506.989.812.546
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(369.532.259.133)	-
	<hr/>	
	55.439.098.840	506.989.812.546
	<hr/>	

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần và sẽ phải trả trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 (Thuyết minh 5(a)). Khoản phải trả dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam điều chỉnh lại để phản ánh nghĩa vụ phải trả này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.540.025.807.328	3.540.025.807.328	13.574.749.570.892	(13.273.947.667.919)	3.840.827.710.301	3.840.827.710.301
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	355.374.503.464	355.374.503.464	524.867.685.503	(854.983.055.037)	25.259.133.930	25.259.133.930
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	4.344.408.180	4.344.408.180	22.134.185.785	(8.107.751.541)	18.370.842.424	18.370.842.424
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.525.000.000	1.525.000.000	258.990.000	(1.525.000.000)	258.990.000	258.990.000
	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>14.122.010.432.180</b>	<b>(14.138.563.474.497)</b>	<b>3.884.716.676.655</b>	<b>3.884.716.676.655</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản vay ngắn hạn có 1.671 tỷ VND (1/1/2015: 2.103 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550 tỷ VND (1/1/2015: 2.745 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 0% đến 10,0% một năm (năm 2014: từ 1,7% đến 12,0% một năm).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,5% đến 10,5% một năm (năm 2014: từ 1,6% đến 12,0% một năm).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	3.730.641.728.608	3.076.254.382.763
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.989.622.795	14.182.610.890
Nợ dài hạn khác	8.627.997.941	10.890.963.048
	<hr/>	<hr/>
	4.265.259.349.344	3.601.327.956.701
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(43.888.966.354)	(361.243.911.644)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.221.370.382.990	3.240.084.045.057
	<hr/>	<hr/>

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản vay dài hạn có 3.667 tỷ VND (1/1/2015: 2.649 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.012 tỷ VND (1/1/2015: 2.604 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,0% đến 11,0% một năm (năm 2014: từ 3,0% đến 15,0% một năm).

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 3,0% đến 11,0% một năm (năm 2014: từ 3,0% đến 11,8% một năm).

**(ii) Trái phiếu thường**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất</b> <b>năm</b>	<b>Năm</b> <b>đáo hạn</b>	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	500.000.000.000	500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				500.000.000.000	500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 215 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 215 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	<b>Chi phí di dời VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	119.291.005.625	1.063.781.893	120.354.787.518
Dự phòng lập trong năm	-	4.717.381.547	4.717.381.547
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.445.464.625)	-	(1.445.464.625)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(473.055.672)	(473.055.672)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(555.425.249)	(590.726.221)	(1.146.151.470)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.290.115.751</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>122.007.497.298</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>4.717.381.547</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>117.290.115.751</b>	<b>-</b>	<b>117.290.115.751</b>
	<b>117.290.115.751</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>122.007.497.298</b>

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	129.390.455.110	88.294.920.264
Trích lập trong năm	52.307.285.638	79.352.431.529
Tăng do hợp nhất công ty con mới	5.932.527.126	5.788.111.550
Sử dụng trong năm	(52.640.524.438)	(44.005.888.514)
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con	(1.711.155.440)	(39.119.719)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>133.278.587.996</b>	<b>129.390.455.110</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2014</b>	4.285.655.300.181	-	(352.215.444.819)	(425.364.156)	523.606.558.474	77.131.726.516	18.964.022.745	10.087.677.101	355.089.501.720	2.760.607.381	716.528.611.964	5.637.183.197.106	43.141.090.195	5.680.324.287.301
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	14.787.838.706	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.787.838.706	-	14.787.838.706
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42.157.000.000	42.157.000.000	-	42.157.000.000
Biến động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	(623.074.667)	-	-	-	-	-	-	-	(363.222.262)	(986.296.929)	-	(986.296.929)
Vốn phát hành thêm để cổ phần hóa	-	-	730.315.739.393	-	-	-	-	-	-	-	-	730.315.739.393	-	730.315.739.393
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	495.422.334	495.422.334	1.332.789.675	1.828.212.013
Điều chuyển vốn/các quỹ	-	-	-	-	1.482.977.152	(1.482.977.152)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	311.789.915.820	-	152.794.376.495	464.584.292.315	-	464.584.292.315
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40.148.133.270)	(40.148.133.270)	-	(40.148.133.270)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(65.706.131.243)	-	(13.646.300.286)	(79.352.431.529)	-	(79.352.431.529)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	87.901.337.804	4.895.436.269	-	776.514.009	(93.573.288.082)	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(5.458.508.565)	(323.866.689)	(1.582.256.946)	-	-	-	(2.219.057.797)	(9.583.689.997)	(1.119.779.423)	(10.703.469.420)
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	(111.522.692.784)	-	-	(111.522.692.784)	-	(111.522.692.784)
Chuyển sang các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác – đã điều chỉnh lại	10.639.972.950	-	-	-	(349.762.123.458)	-	(17.594.563.396)	-	(159.250.645.027)	-	-	(515.967.358.931)	-	(515.967.358.931)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.077.228.553.027	1.077.228.553.027	-	1.077.228.553.027
Tăng do sáp nhập một công ty liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	-	-	-	47.875.166.835	-	-	-	13.621.322.464	-	-	61.496.489.299	-	61.496.489.299
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.033.938.245)	(3.033.938.245)	-	(3.033.938.245)
Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong giá phí khoản đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty con cấp 1 này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(202.623.976.500)	(202.623.976.500)	-	(202.623.976.500)
Giảm phần lợi ích cổ đông thiểu số tương ứng với phần sở hữu của các công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trong năm tại các công ty con khác của Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.062.279.263)	(21.062.279.263)	-	(21.062.279.263)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn tăng tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	(31.777.582.926)	-	(90.363.217.074)	(122.140.800.000)	-	(122.140.800.000)
Chênh lệch phát sinh khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần – đã điều chỉnh lại	-	-	(418.630.985.392)	-	-	-	-	-	-	-	-	(418.630.985.392)	-	(418.630.985.392)
Phân loại lại	-	-	802.727.148.601	(802.727.148.601)	80.071.211.315	(80.071.211.315)	-	-	-	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu - đã điều chỉnh lại	(11.487.200.338)	-	8.660.809.929	-	2.803.329.943	(149.107.629)	212.797.597	(129.046.093)	(10.835.481.689)	-	(2.836.562.388)	(13.760.460.668)	(228.190.418)	(13.988.651.086)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại</b>	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	-	-	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.381	1.612.907.276.735	6.489.435.488.672	43.125.910.032	6.532.561.398.705
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã báo cáo trước đây</i>	4.299.595.911.499	-	386.138.029.836	(425.364.156)	308.448.738.185	80.071.211.315	-	10.735.145.017	212.848.004.910	2.760.607.381	1.612.907.276.735	6.913.079.560.721	43.125.910.032	6.956.205.470.754
<i>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 5)</i>	-	-	384.096.163.209	(802.727.148.601)	80.071.211.315	(80.071.211.315)	-	-	(5.013.086.657)	-	-	(423.644.072.049)	-	(423.644.072.049)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại</b>	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	-	-	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.381	1.612.907.276.735	6.489.435.488.672	43.125.910.032	6.532.561.398.705
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44.737.415.558	44.737.415.558	-	44.737.415.558
Biến động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.707.507.646	10.707.507.646	-	10.707.507.646
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	494.591.729.182	-	494.591.729.182	5.411.295.336	500.003.024.518
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	382.184.634.187	-	149.774.774.136	531.959.408.323	-	531.959.408.323
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	29.317.611.379	-	-	358.315.136	(29.675.926.515)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(30.667.315.831)	-	(21.639.969.807)	(52.307.285.638)	-	(52.307.285.638)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(167.442.705)	-	-	(200.890.136)	-	-	(3.505.414.792)	(3.873.747.633)	(7.108.581.934)	(10.982.329.567)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(102.500.791.652)	(102.500.791.652)	-	(102.500.791.652)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.763.389.445	71.763.389.445	-	71.763.389.445
Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong giá phí khoản đầu tư vào các công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.854.265.616)	(13.854.265.616)	-	(13.854.265.616)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	54.386.931.715	-	-	-	-	-	-	(384.971.084.612)	(330.584.152.897)	-	(330.584.152.897)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	30.103.980.188	-	110.496.819.812	140.600.800.000	-	140.600.800.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	2.330.177.087	-	3.350.884.224	-	-	51.782.350	3.705.974.644	-	1.368.385.118	10.807.203.422	-	10.807.203.423
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>29.911.650.892</b>	<b>42.248.630.739</b>	<b>(748.765.581.042)</b>	<b>421.021.002.398</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.944.352.367</b>	<b>563.486.264.926</b>	<b>497.352.336.561</b>	<b>1.475.284.041.971</b>	<b>7.291.482.698.812</b>	<b>41.428.623.432</b>	<b>7.332.911.322.248</b>

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 32. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	29/1/2015 và 31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	232.561.900	2.325.619.000.000	46,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Xem thuyết minh 31 để biết chi tiết biến động vốn cổ phần trong năm.

## 33. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con để giải ngân cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

**35. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	20.538.289.646	70.621.585.583
Trong vòng hai đến năm năm	37.551.879.227	198.851.212.528
Sau năm năm	22.621.577.460	200.606.339.554
	<hr/>	<hr/>
	80.711.746.333	470.079.137.665
	<hr/>	<hr/>

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	45.148.146.317	80.423.759.927
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	655.346.580	136.319.428.435
	<hr/>	<hr/>
	45.803.492.897	216.743.188.362
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2015</b>		<b>1/1/2015</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	8.304.296	186.372.340.046	3.800.059	81.130.433.653
JPY	178.977	33.280.773	40.000	7.080.000
EUR	3.899	95.484.082	2.352	59.654.523
		<hr/>		<hr/>
		186.501.104.901		81.197.168.176
		<hr/>		<hr/>

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<b>Nguyên nhân xóa sổ</b>	<b>Năm xóa sổ</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.767.004.043
			<hr/>	<hr/>
			23.289.932.361	23.181.175.486
			<hr/>	<hr/>

**(e) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	576.991.272.591	481.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	155.761.701.033	-
	<hr/>	<hr/>
	732.752.973.624	481.100.000.000
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	14.622.004.102.668	13.082.273.353.341
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	380.683.972.840	305.527.476.269
▪ Hợp đồng xây dựng	26.780.455.035	7.337.027.995
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	151.381.827.889	69.782.720.871
▪ Thu nhập tiền lãi	-	22.986.723.819
	<hr/>	<hr/>
	15.180.850.358.432	13.487.907.302.295
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	12.389.661.902	12.826.274.523
▪ Giảm giá hàng bán	1.322.058.036	2.461.869.224
▪ Hàng bán bị trả lại	8.389.009.562	12.096.083.677
	<hr/>	<hr/>
	22.100.729.500	27.384.227.424
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	15.158.749.628.932	13.460.523.074.871

**37. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	10.824.772.960.269	8.240.968.544.720
▪ Hàng hoá đã bán	2.068.684.454.759	3.483.435.598.410
▪ Dịch vụ đã cung ứng	251.638.820.116	87.705.419.568
▪ Hợp đồng xây dựng	3.456.915.912	1.046.071.555
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	158.051.353.030	88.623.440.077
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.807.353.245)	24.927.356.585
	<hr/>	<hr/>
	13.292.797.150.841	11.926.706.430.915
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	160.436.629.215	109.852.529.897
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	52.256.918.393	38.270.526.602
Cổ tức được chia	37.945.416.178	34.107.028.985
Lãi mua bán ngoại tệ	-	358.705.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.986.598.498	33.191.721.497
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.496.639.997	602.227.574
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	604.302.741	4.144.063.229
Chiết khấu được hưởng do thanh toán đúng hạn	-	10.398.307.859
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	115.493.091.400	4.022.951.168
Lãi do thanh lý công ty liên kết	1.108.134.668	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.985.736.817	789.717.057
	<hr/> 442.313.467.907	<hr/> 235.737.779.196 <hr/>

**39. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	354.284.173.973	275.969.528.569
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	4.334.263.222	19.550.240.894
Lỗ do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	98.402.788.317	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	11.998.678.069	(25.416.828.014)
Lỗ do kinh doanh ngoại hối	43.248.313	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	149.268.303.177	43.445.664.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.505.401.040	9.474.873.643
Lãi thanh toán chậm	3.315.136.698	2.366.730.673
Chi phí phát hành trái phiếu	4.835.010.232	2.806.771.917
Chi phí tài chính khác	3.677.325.853	2.895.132.562
	<hr/> 688.664.328.894	<hr/> 331.092.115.210 <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	107.216.453.777	152.417.519.247
Chi phí công cụ và dụng cụ	12.617.879.867	20.905.600.054
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.927.554.367	17.180.393.757
Chi phí vận chuyển	133.919.385.239	126.569.864.272
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	2.118.055.282	1.820.062.123
Chi phí xuất nguyên vật liệu	9.346.794.605	9.403.667.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.537.049.346	178.831.086.919
Chi phí bao bì	33.222.723.804	19.239.676.067
Chi phí hoa hồng	16.681.130.319	18.661.137.389
Chi phí xuất nhập khẩu	12.896.047.755	2.898.155.390
Chi phí bán hàng khác	91.228.462.155	102.275.740.381
	<hr/>	<hr/>
	561.711.536.516	650.202.902.845
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**41. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên văn phòng	405.642.063.819	359.542.217.711
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	27.141.768.451	20.006.790.784
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.225.473.114	63.739.970.958
Dự phòng phải thu khó đòi	140.674.832.215	150.815.376.803
Thuế, phí và lệ phí	29.775.361.405	24.988.216.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.709.355.103	56.757.537.231
Tiền thuê đất	30.585.104.221	34.444.652.033
Công tác phí	10.260.713.095	9.671.165.488
Chi phí tiếp khách	9.264.922.290	8.265.867.442
Chi phí đào tạo	2.218.480.000	1.599.444.392
Chi phí khác	184.128.087.841	191.397.323.890
	<hr/>	<hr/>
	980.626.161.554	921.228.563.427
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***42. Thu nhập khác**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	137.006.404.302	26.759.938.781
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	14.209.038.663	124.758.752.564
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư	5.710.699.729	-
Bán phế liệu	4.026.886.643	13.045.136.529
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	12.265.144.431	18.236.561.940
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.724.617.115	12.792.547.535
Lãi vay phải trả được điều chỉnh giảm	-	43.724.416.667
Hoàn nhập dự phòng chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới	-	31.953.840.397
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	4.888.842.572	-
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	11.516.222.447	6.790.664.598
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ từ hợp nhất kinh doanh	-	64.078.039.811
Thu từ các khoản khác	20.648.778.955	22.734.978.078
	<hr/>	<hr/>
	215.996.634.857	364.874.876.900
	<hr/>	<hr/>

**43. Chi phí khác**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lỗ do thanh lý và xóa sổ tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	126.253.001.960	18.633.239.520
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.512.160.196	2.297.395.998
Chi phí di dời cơ sở kinh doanh	7.191.091.618	-
Phạt vi phạm thuế	2.515.274.809	2.536.829.595
Truy thu thuế	-	1.662.542.958
Chi phí phân bổ tiền thuê đất nhà máy sợi Phú Xuyên	-	4.056.800.004
Phạt vi phạm khác	-	3.060.315.350
Chi phí của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú liên quan đến Dự án Lê Minh Xuân và Dự án Tăng Phú	-	24.055.689.112
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	11.041.403.547	7.141.051.764
Chi các khoản khác	13.746.224.285	16.593.746.062
	<hr/>	<hr/>
	164.259.156.415	80.037.610.363
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.258.886.659.317	8.131.611.829.951
Chi phí nhân công	2.864.083.655.669	2.335.812.090.477
Chi phí khấu hao và phân bổ	585.663.173.305	477.560.905.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.065.393.043.826	1.771.912.804.425
Chi phí khác	1.060.699.862.535	768.411.975.440

**45. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	64.589.354.537	47.367.180.240
Dự phòng thiếu trong những năm trước	167.402.938	170.477.273
	<hr/> 64.756.757.475	<hr/> 47.537.657.513
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	30.545.170.555	18.174.662.379
	<hr/> 95.301.928.030	<hr/> 65.712.319.892

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	627.261.336.353	530.296.612.207
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	137.997.493.998	116.665.254.686
Ưu đãi thuế	(3.602.812.509)	(2.956.203.509)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(10.771.658.330)	(11.216.687.342)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.227.154.718	5.431.421.084
Thu nhập không bị tính thuế	(72.320.811.859)	(87.173.018.315)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(235.434.104)	(565.976.794)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	41.840.593.178	45.357.052.809
Dự phòng thiếu trong những năm trước	167.402.938	170.477.273
	95.301.928.030	65.712.319.892

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường là 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	<b>2015</b>
	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	382.184.634.187
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000
	764

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

**47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	-	5.940.000.000
Góp vốn đầu tư	2.700.000.000	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong phú</b>		
Cổ tức	169.147.078.906	97.605.677.232
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	275.240.096.365	118.771.021.997
Mua hàng hóa và dịch vụ	103.762.921.917	77.768.741.300
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	148.092.221.893	25.524.211.016
Mua hàng hóa	60.471.610.683	21.323.429.593
Thu nhập lãi cho vay	4.259.383.332	-
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	2.919.583.333	-
Cho vay	2.000.000.000	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần May Nhà Bè</b>		
Cổ tức	12.600.000.000	12.600.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.049.408.621	47.003.426.397
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.024.392.607	17.315.259.061
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.200.000	21.971.675.461
Mua hàng hóa và dịch vụ	125.545.455	4.771.088.521
Cổ tức	1.417.500.000	2.700.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May 10</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.356.701.250	53.751.045.246
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.913.445.237	-
Cổ tức	7.102.360.000	5.637.502.500
Góp vốn đầu tư	5.918.600.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	208.933.272.620	173.505.842.042
Mua hàng hóa và dịch vụ	344.916.362.274	151.965.560.361
Thu nhập lãi cho vay	1.850.448.665	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	134.200.000	8.324.798.786
Mua hàng hóa và dịch vụ	68.181.818	18.691.005.191
Cổ tức	40.467.760.000	40.217.760.000
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	321.000.000	1.116.840.381
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.450.078.767	13.795.501.901
Cổ tức	19.710.000.000	24.637.500.000
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.275.921.565	8.403.716.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.514.823.682	1.386.533.894
Cổ tức	185.440.000	185.440.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	33.570.367.092	75.653.685.315
Mua hàng hóa và dịch vụ	231.305.493	191.061.465
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Góp vốn đầu tư	12.581.130.000	5.914.684.976
Cổ tức	5.501.666.000	12.827.780.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.400.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.268.322.827	35.765.110.514
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	4.073.400.000	3.359.944.425
Góp vốn đầu tư	7.212.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản vay	-	25.706.254.529
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	-
<b>Tổng công ty May Đồng Nai</b>		
Cổ tức	3.066.336.000	4.599.504.000
Thu nhập lãi cho vay	-	117.965.461
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	197.188.009
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.624.643.346
Góp vốn đầu tư	6.689.280.000	-
<b>Tổng Công Ty May Đức Giang – Công ty Cổ phần</b>		
Cổ tức	7.959.238.000	11.638.269.120
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	2.718.947.263
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.374.947.370	-
<b>Công ty Cổ phần May Hưng Yên</b>		
Cổ tức	14.230.339.200	23.357.880.000
Nhận hoàn trả khoản vay	-	9.000.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	152.400.000	-
Góp vốn đầu tư	25.387.260.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương</b>		
Cho vay	17.500.000.000	-
Góp vốn đầu tư	24.852.076.451	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Góp vốn đầu tư	612.000.000	-
Cổ tức	1.224.000.000	1.224.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Vinatex</b>		
Góp vốn đầu tư	7.918.626.154	-
<b>Công ty TNHH Dệt may Vinatex Quốc Tế Toms</b>		
Góp vốn đầu tư	27.677.160.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao đã trả	2.676.675.634	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***48. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thoái vốn và hợp nhất công ty con mới, như trình bày tại Thuyết minh 7, Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	20.037.403.056	-
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	4.715.650.867	-
Đối trừ khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước với khoản đầu tư vào công ty con liên quan đến việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May cho một bên thứ ba	219.208.552.560	-
Giảm đầu tư vào đơn vị khác do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	7.996.284.920
Giảm dự phòng đầu tư tài chính dài hạn do định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	11.488.460.489
Tăng đầu tư dài hạn khác do cổ tức được trả bằng cổ phiếu	-	1.515.720.000
Đối trừ gốc vay dài hạn với khoản phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	-	229.600.000.000
Đối trừ lãi vay phải trả với khoản phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	-	22.400.000.000
Chuyển khoản đầu tư dài hạn thành khoản phải thu khác	-	22.500.000.000
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	-	14.787.838.706
Chuyển khoản lợi nhuận sau thuế năm 2015 phải nộp Nhà nước sang khoản phải trả ngắn hạn khác	-	159.250.645.027
Chuyển khoản chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển sang công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp sang khoản phải trả ngắn hạn và dài hạn khác	-	778.839.874.865



## VIII. CÁC THƯƠNG HIỆU DỆT MAY TIÊU BIỂU



Công ty Cổ phần May Việt Tiến



Công ty Cổ phần May Việt Thắng - CTCP



Tổng Công ty Đức Giang - CTCP



Công ty May Hưng Yên - CTCP



Tổng Công ty May 10 - CTCP



Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè - CTCP



Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ



Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May



Công ty Cổ phần Bông Việt Nam



Dệt may Huế



Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội



Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài



Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định



Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú



Dệt Kim Đông Xuân



Trường Đại học Công nghiệp Dệt may Hà Nội

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Tập đoàn:



**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**

Vietnam national Textile and Garment Group

Địa chỉ: Tòa nhà Sentinel Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: (+84-4) 38257700. Fax: (+84-4) 38262269. Website: [www.vinatex.com.vn](http://www.vinatex.com.vn)